


**BĂNG TẢI**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH**

 Lô B3-1, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

 (028) 37907619

 [www.berubco.com.vn](http://www.berubco.com.vn)

**2021** | **BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH**



# MỤC LỤC

## 01 THÔNG TIN CHUNG

- 7 Thông tin khái quát
- 9 Quá trình hình thành và phát triển
- 11 Các giải thưởng tiêu biểu
- 13 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 19 Sơ đồ tổ chức
- 21 Định hướng phát triển
- 23 Các rủi ro

## 02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 29 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 31 Tổ chức và nhân sự
- 39 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án
- 39 Tình hình tài chính
- 42 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 43 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

## 03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 47 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 48 Tình hình tài chính
- 49 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, quản lý
- 51 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 52 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

## 04 ĐÁNH GIÁ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 55 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 56 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- 57 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

## 05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 61 Hội đồng quản trị
- 66 Ban Kiểm soát
- 69 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

## 06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 73 Ý kiến kiểm toán
- 75 Báo cáo tài chính được kiểm toán



# 01 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	7
Quá trình hình thành và phát triển	9
Các giải thưởng tiêu biểu	11
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	13
Sơ đồ tổ chức	19
Định hướng phát triển	21
Các rủi ro	23





# THÔNG TIN KHÁI QUÁT

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

<b>Tên giao dịch</b>	:	CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH
<b>Tên tiếng Anh</b>	:	BEN THANH RUBBER JOINT STOCK COMPANY
<b>Tên viết tắt</b>	:	BERUB JSC
<b>Mã chứng khoán</b>	:	BRC
<b>Giấy chứng nhận ĐKDN số</b>	:	Số 0301150295 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/04/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09/03/2016
<b>Vốn điều lệ</b>	:	123.749.970.000 đồng
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	:	123.749.970.000 đồng
<b>Địa chỉ</b>	:	Lô B3-1, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải (D3), Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh
<b>Số điện thoại</b>	:	(028) 37907619
<b>Số fax</b>	:	(028) 37907461
<b>Website</b>	:	www.berubco.com.vn

Công ty cổ phần Cao su Bến Thành luôn đảm bảo cung cấp cho thị trường các sản phẩm cao su đa dạng và chất lượng cao.

Với sản phẩm chủ lực là băng tải và dây courroie, doanh thu thuần năm 2021 đạt

**348**  
tỷ đồng

Được thành lập năm 1976 với tên gọi Xí nghiệp Cao su Giải phóng, BERUBCO là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế biến, sản xuất, mua bán các sản phẩm từ cao su.

Trải qua hơn 45 năm, Công ty hoạt động dựa trên nền tảng đội ngũ kỹ thuật lành nghề đáp ứng toàn diện các yêu cầu của khách hàng trong việc sản xuất các sản phẩm cao su.

Cùng với áp dụng quy trình quản lý chất lượng, công nghệ sản xuất chuyên nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế, sự đa dạng nguyên liệu cao su, BERUB JSC cung cấp các sản phẩm cho thị trường quốc tế và nội địa, cụ thể như:

- Băng tải cao su lõi thép, băng tải cao su lõi vải;
- Dây Courroie;
- Cao su kỹ thuật các ngành công nghiệp khai thác khoáng sản, xi măng, cấp thoát nước, phân bón, ...

BERUBCO hiện nay sản xuất sản phẩm cao su đa dạng bằng nhiều công nghệ từ ép khuôn, ép chuyển truyền thống đến công nghệ lưu hóa trống liên tục đáp ứng nhiều công nghệ đặc thù cho từng dòng sản phẩm.





# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Tiền thân là Xí nghiệp Cao su Giải Phóng, trực thuộc Sở Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh, trụ sở chính ở nội thành quận 11.

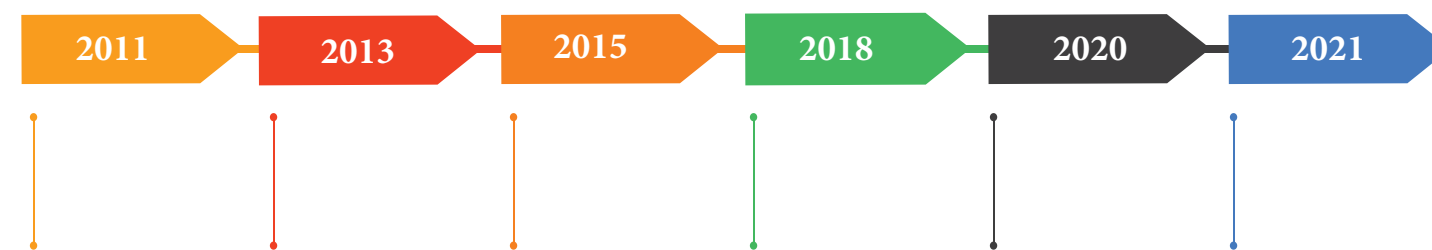
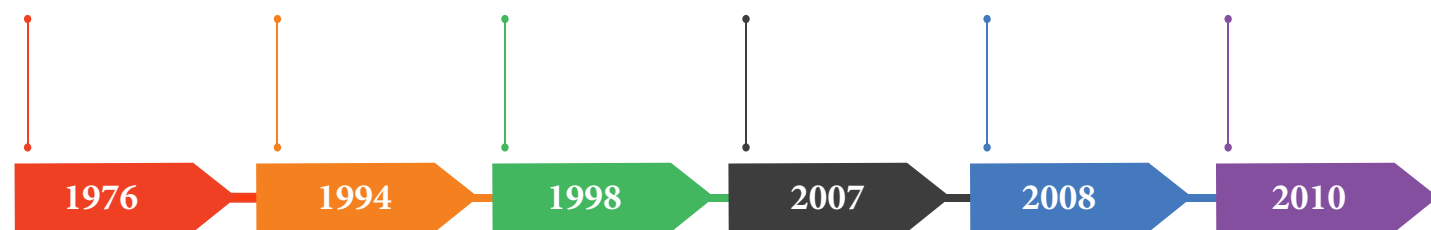
Đổi tên thành Công ty Cao su Bến Thành, trực thuộc Sở Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh.

Công ty dời về khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi rộng 2 hecta và đầu tư mới toàn bộ thiết bị sản xuất hiện đại.

Công ty hoàn tất thủ tục cổ phần hóa và chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành (BERUBCO) trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn.

Tăng vốn điều lệ lần thứ 1 từ 40.000.000.000 đồng lên 75.000.000.000 đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cán bộ công nhân viên và đối tác chiến lược.

Tăng vốn điều lệ lần thứ 2 lên 82.499.980.000 đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.



Cổ phiếu của BERUBCO được niêm yết trên sàn Giao dịch Chứng khoán TP HCM với mã chứng khoán BRC.

Tăng vốn điều lệ lần thứ 3 lên 123.749.970.000 đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Tập trung hoàn thiện nhà máy băng tải lõi thép, đưa vào sử dụng trong năm 2015.

Đầu tư và sản xuất thử nghiệm dự án Bánh xích cao su.

Công ty đã hoàn thành và vượt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận, đặc biệt là mặt hàng cao su kỹ thuật có sản lượng tiêu thụ tăng 121% so với kế hoạch năm 2020.

Công ty đang hoạt động với mức vốn điều lệ hơn 123 tỷ đồng, tiếp tục từng bước cải tiến các sản phẩm cao su bằng việc áp dụng công nghệ đặc thù và tiên tiến cho từng dòng sản phẩm của mình.





# CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

## 2021

Top 20 Doanh nghiệp phát triển bền vững (CSI)



Chứng nhận thúc đẩy bình đẳng giới tại nơi làm việc



Sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu TPHCM



Giấy chứng nhận hệ thống Quản lý Chất lượng: ISO 9001:2000



Cúp vàng Sản phẩm Công nghiệp hàng đầu Việt Nam



## 2020

Sản phẩm Công nghiệp và Công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu



Top 10 Doanh nghiệp phát triển bền vững



Doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tiêu biểu



## 2019

Chứng nhận sản phẩm tiêu biểu



## 2011

Huân chương lao động hạng 3



## 1994

Huân chương lao động hạng 3



# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

## Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất các sản phẩm từ cao su: Băng tải, dây courroie, dây truyền bản, vỏ ruột xe đạp – xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật.
- Mua bán sản phẩm cao su: Băng tải, dây courroie, dây truyền bản, vỏ ruột xe đạp – xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật.
- Mua bán nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp.



## Địa bàn kinh doanh

BERUBCO cung cấp sản phẩm cho thị trường nội địa và xuất khẩu sang các nước như Mỹ, Hồng Kông, Nhật Bản, Indonesia, Singapore, ...



## DANH MỤC SẢN PHẨM

### BĂNG TẢI KHÁNG HÓA CHẤT

Dùng để truyền tải các loại hóa chất có tính ăn mòn phá hủy cao như acid mạnh:  $H_2SO_4$ , HCl, ...; kiềm NaOH và các hoá chất khác như phân bón, urê, kali nitrat, ...

*Đặc điểm:*

Lớp cao su mặt được làm từ hỗn hợp cao su đặc biệt ít bị phá hủy bởi hóa chất, giúp kéo dài tuổi thọ cũng như ngăn không cho các thành phần cao su bị phân tán ra tạo thành tạp chất vào vật liệu cần truyền tải.



### BĂNG TẢI THÔNG DỤNG

Được sử dụng rộng rãi trong các ngành công nghiệp xi măng, khai thác than đá, phân bón, khai thác đá, ...

*Đặc điểm:*

Công suất chuyển tải lớn, cường lực cao, độ dẫn thấp, chịu ẩm ướt, chịu mài mòn, chịu va đập, chịu uốn tốt.



### BĂNG TẢI KHÁNG BẮT LỬA

Là sản phẩm băng tải kháng lửa được sử dụng tại các dây chuyền sản xuất ở các nhà máy nung kim loại, nhà máy nhiệt điện, hầm lò ngành khai thác than đá và những ngành công nghiệp khác có nguy cơ phát cháy cao.

*Đặc điểm:*

Lớp cao su mặt và cao su cán tráng được làm bằng nguyên liệu đặc biệt có tính năng kháng bắt lửa đáp ứng tiêu chuẩn ISO, DIN, JIS và RMA.



### BĂNG TẢI TAI BÈO

Loại băng này dùng để chuyển tải các loại nguyên vật liệu hoặc sản phẩm dạng bột để bị rơi vãi ra hai bên.

*Đặc điểm:*

Ở hai bên có lớp cao su thẳng đứng dăng tai bèo dùng để chắn không cho nguyên vật liệu hoặc sản phẩm rơi vãi hai bên.



### BĂNG TẢI CHỊU DẦU

Loại băng tải này dùng để chuyển tải những sản phẩm có dầu như thức ăn gia súc, phân bón, bã đậu nành và các sản phẩm có dầu khác.

*Đặc điểm:*

Lớp cao su mặt của băng này được làm từ hỗn hợp cao su NBR hoặc CR có tính năng chịu các loại dầu động thực vật và khoáng vật.



### BĂNG TẢI LỖI THÉP CHỊU NHIỆT

Là sản phẩm đặc biệt của dòng băng tải lõi thép được ưu tiên lựa chọn sử dụng ở các chuyên sản xuất nung quặng, than nung, chuyển tải clinker, xi măng, gang thép,... và các dạng vật liệu có nhiệt độ cao khác.

*Đặc điểm:*

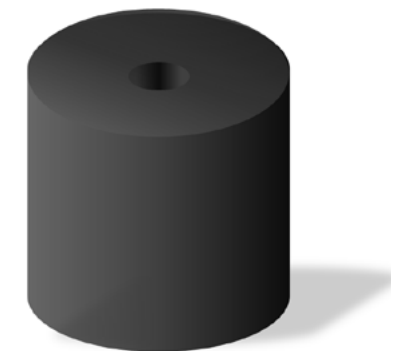
Lớp cao su mặt được làm bằng nguyên liệu cao su đặc biệt có khả năng chịu nhiệt độ từ  $100^{\circ}C \sim 200^{\circ}C$ , với khả năng kháng mài mòn, nứt gãy, cong vênh do nhiệt.



### CAO SU GIẢM CHẤN SÀN RUNG

Caos giảm chấn sàn rung có cấu tạo nhiều lớp lõi vải, khả năng chịu lực cao dùng trong làm chân đế, chân máy... với mục đích chống rung, giảm tiếng ồn.

Nhà máy sản xuất theo tiêu chuẩn và công nghệ hiện đại đáp ứng tất cả các tính năng từ cơ bản đến kỹ thuật cao theo yêu cầu của khách hàng.



### PHỐT NƯỚC

Phốt nước dùng trong van bướm công nghiệp được làm bằng nguyên liệu hoàn toàn EPDM, van có khả năng đàn hồi và ôm chặt với đĩa van tạo độ kín tối đa.

Van bướm được sử dụng rộng rãi trong các hệ thống cấp thoát nước, PCCC và các hệ thống khác.





## DANH MỤC SẢN PHẨM

### BĂNG TẢI KHÁNG VA ĐẬP

Băng tải kháng va đập là loại băng tải chuyên dụng trong môi trường chịu lực va đập cao như khai thác mỏ, gỗ, vật liệu tái chế, thép....



### BĂNG TẢI LỖI THÉP THÔNG DỤNG

Là sản phẩm băng tải được ưu tiên lựa chọn trong dây chuyền sản xuất dài và có tính khắc nghiệt, với có khả năng chịu tải trọng cao, độ giãn tải trọng rất thấp, kháng va đập tốt, trong dây chuyền sản xuất dài, tải trọng nặng với tốc độ nhanh, thích hợp sử dụng trong các ngành công nghiệp nặng, khai thác than đá, nhà máy nhiệt điện, nhà máy gang thép, khai thác mỏ, ...

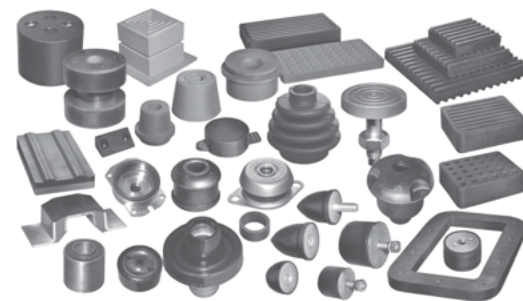


### PHỤ TÙNG CAO SU

Các loại gioăng cao su với các tính năng: chịu nhiệt, chịu hóa chất, chịu dầu, chịu đàn hồi, kháng bắt lửa, ...

Cao su đệm các loại, cao su chống va đập dùng trong ngành công nghiệp xe hơi, cấp nước cầu đường, xây dựng và các ngành công nghiệp khác.

Với nguyên liệu sử dụng: NR, BR, SBR, IR, CR, Viton, Silicone, Neoprene, Nitril, Butyl, EPDM sản xuất theo quy cách và bản vẽ của khách hàng.



### DÂY COURROIE LOẠI THÔNG DỤNG

Dây Courroie hình thang được sử dụng rộng rãi trong các ngành công nghiệp cơ khí, máy móc ngành dệt may, ngành ô tô.

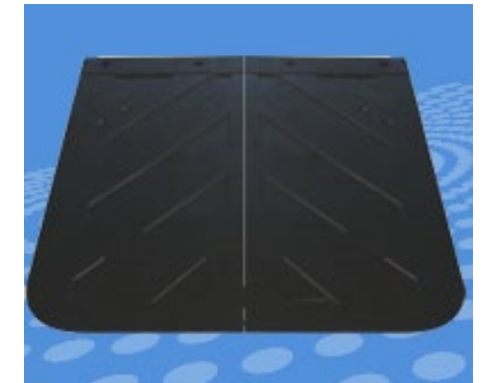
*Đặc điểm:*

- Lực kéo đứt cao, độ đàn thấp.
- Chịu uốn và kháng mài mòn tốt.
- Đồng nhất về chiều dài và tiết diện theo cỡ số.



### TẤM CHẮN BÙN XE TẢI

Dùng cho ô tô có công dụng để chắn bùn.

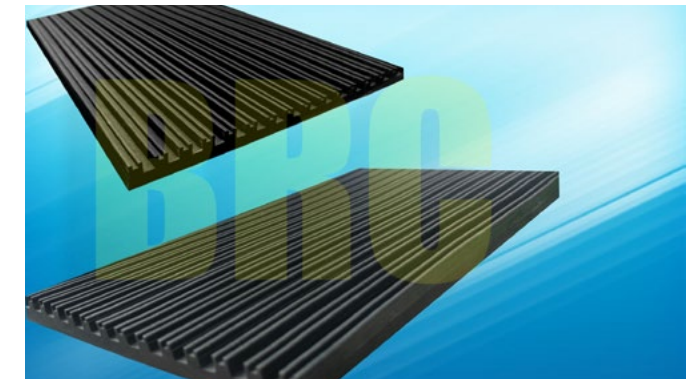


### BĂNG TẢI NHÁM

Loại băng tải này dùng để chuyển tải hàng đóng bao hoặc thùng, phụ tùng ô tô và các mặt hàng dễ bị biến dạng và dễ vỡ.

*Đặc điểm:*

Cao su bề mặt được thiết kế hình gân nhám để chuyển tải những mặt hàng dễ bị móp méo và dễ vỡ đi trên đoạn đường nghiêng góc từ 20 ~ 30 độ, có tính năng chịu mài mòn, kháng bắt lửa.



### BĂNG TẢI GÂN

Dùng để chuyển tải các loại nguyên vật liệu dạng bột hoặc hạt như cát, sạn, than mịn hoặc các loại nguyên liệu được đóng trong bao bì chuyển tải trên đoạn đường có độ nghiêng góc.

*Đặc điểm:*

- Góc gân và bước gân được thiết kế phù hợp để cho băng tải di chuyển trên các con lăn.
- Các gân và lớp cao su mặt trên được đúc dính chặt với nhau bằng lưu hóa nóng.



### BÁNH XÍCH CAO SU

QUY CÁCH: B400x90x47





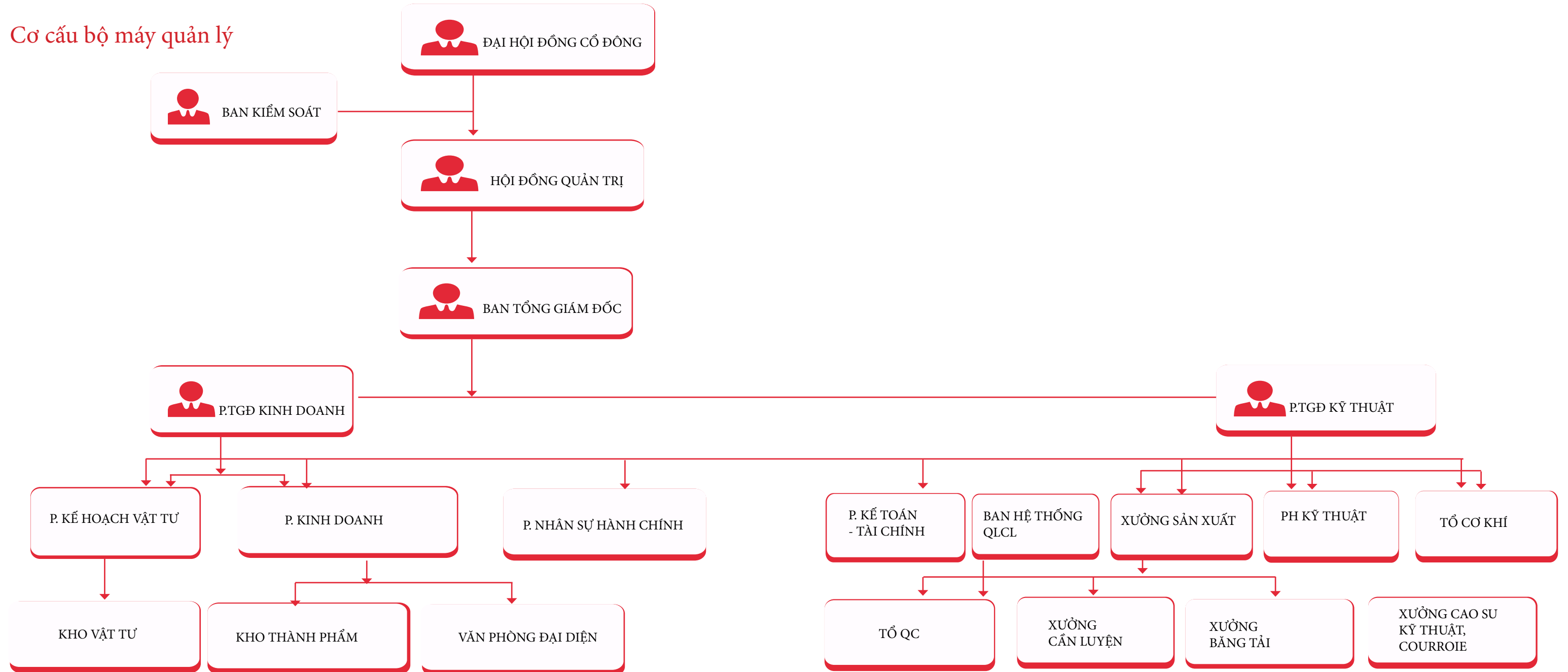
# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

## Mô hình quản trị

Mô hình quản trị công ty gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Tổng Giám đốc

## Cơ cấu bộ máy quản lý



## Các công ty con, công ty liên kết

Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết.



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

“ Trong hành trình 45 năm dựng xây và phát triển, BERUBCO luôn trung thành với triết lý kinh doanh phát triển bền vững gắn liền với trách nhiệm xã hội và chính điều này đã góp phần tạo nên hình ảnh một BERUBCO thân thiện, có trách nhiệm với cộng đồng.

”



### Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh, tăng năng suất và tạo ra nhiều sản phẩm mới với chất lượng cải tiến, hiệu quả hơn để thu hút thêm nhiều khách hàng và có được nhiều thị trường tiềm năng.
- Ổn định chất lượng sản phẩm, duy trì, phát triển mạng lưới khách hàng truyền thống và khách hàng mới từ đó tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, đánh giá và lương thưởng xứng đáng cho những cán bộ công nhân viên làm việc hiệu quả. Đào tạo lại đội ngũ hiện có nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Tăng cường công tác quản trị nội bộ để gia tăng hiệu quả: kiểm soát chặt chẽ chi phí, giảm thiểu chi phí tài chính, xây dựng kế hoạch kinh doanh linh hoạt, sử dụng vòng quay vốn hiệu quả.

## TRỌN VẸN TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ TOÀN XÃ HỘI

### Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

#### Máy móc, thiết bị:

Khai thác tối đa công suất máy móc thiết bị, cải tiến, áp dụng khoa học kỹ thuật vào công nghệ sản xuất nhằm đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm. Từng bước nâng cao năng suất, sản lượng từng mặt hàng, đầu tư đổi mới công nghệ ứng dụng trong quản lý và sản xuất.

#### Thị trường:

Chú trọng giữ vững thị trường hiện có và tập trung khai thác, tìm kiếm các thị trường mới trong và ngoài nước, tập trung thị phần xuất khẩu và quan hệ với các đối tác nước ngoài. Tầm nhìn trở thành Công ty sản xuất băng tải và dây courroie hàng đầu Việt Nam, giữ uy tín cao ở thị trường nội địa và mở rộng thị trường trên toàn thế giới.

#### Nguồn nhân lực:

Đào tạo, xây dựng đội ngũ công nhân có trình độ chuyên môn cao, tạo môi trường làm việc lý tưởng, hiệu quả và áp dụng công nghệ tiên tiến vào quá trình sản xuất kinh doanh. Tuyển dụng nhân lực kỹ thuật có trình độ và kinh nghiệm để phục vụ việc đầu tư các sản phẩm mang hàm lượng chất xám cao, sản phẩm mới. Chú trọng việc tăng trưởng của Công ty, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả hoạt động.



### Các mục tiêu đối với phát triển bền vững

#### Mục tiêu đối với cộng đồng xã hội:

- Kịp thời hỗ trợ cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn, bệnh hiểm nghèo, tham gia ủng hộ: thiên tai lũ lụt, thăm hỏi, đóng góp hỗ trợ cho người nghèo trên địa bàn.
- Công nhân viên của Công ty tích cực chung tay bảo vệ quyền trẻ em, chung tay hoàn thành tốt công tác bảo vệ môi trường, an toàn lao động.
- Đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về: hoạt động điều hành sản xuất, kinh doanh, các nghĩa vụ Thuế và các khoản Bảo hiểm xã hội cho người lao động.

#### Mục tiêu đối với môi trường:

- Doanh nghiệp chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về việc bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tổ chức các buổi đào tạo, hướng dẫn cán bộ công nhân viên của Công ty trong việc thực hiện an toàn lao động, tiết kiệm năng lượng để hạn chế gây ô nhiễm cho môi trường.



## CÁC RỦI RO



### ⚠️ Rủi ro kinh tế

Năm 2021, làn sóng dịch COVID – 19 thứ 4 bùng phát trở lại đã ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Các chỉ thị của Chính phủ về giãn cách xã hội đã khiến tình hình kinh tế tại thành phố Hồ Chí Minh – đầu tàu về kinh tế, công nghiệp phía Nam – bị ảnh hưởng nặng nề. Đại dịch COVID – 19 đã ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động sản xuất, kinh doanh trên hầu hết các lĩnh vực, trong đó phải kể đến ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Các khu công nghiệp phải thực hiện quy định “3 tại chỗ”, “1 cung đường, 2 điểm đến” đã khiến chi phí sản xuất tăng cao.

BERUBCO là công ty chuyên cung cấp các sản phẩm chế biến từ cao su cho các doanh nghiệp trong ngành công nghiệp khai thác khoáng sản, phân bón, xi măng, cơ khí, ... nên biến động của nền kinh tế chung sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình hoạt động và lượng tiêu thụ sản phẩm BERUBCO. Hoạt động sản xuất và xuất nhập khẩu của công ty cũng bị ảnh hưởng do chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn và các mặt hàng không thiết yếu bị hạn chế lưu thông trong thời gian thực hiện các quy định về giãn cách xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của công ty.

#### *Biện pháp kiểm soát:*

Đây là rủi ro chung của nền kinh tế, BERUBCO cũng không nằm ngoài tác động trên. Tuy nhiên, để hạn chế rủi ro này, Công ty đề ra những định hướng phát triển, thiết lập các kế hoạch kinh doanh phù hợp nhằm linh hoạt đối phó với các thay đổi của nền kinh tế. Cụ thể, Công ty tiến hành đánh giá các chi phí và thiệt hại thực tế phát sinh, lập kế hoạch cho từng kịch bản và linh động điều chỉnh cách ứng phó cho phù hợp.



### ⚠️ Rủi ro lãi suất

Để phục vụ nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, bổ sung vốn lưu động, Công ty đã cân nhắc sử dụng đòn bẩy tài chính một cách hợp lý. Rủi ro lãi suất là rủi ro xuất phát từ các khoản tài trợ ngắn hạn của ngân hàng. Công ty luôn đề cao việc thực hiện quản trị rủi ro lãi suất vì biến động lãi suất có thể tăng gánh nặng chi phí và giảm lợi nhuận hoạt động Công ty.

#### *Biện pháp kiểm soát:*

Công ty quản trị rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi nhất cho mục đích của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty chủ động theo dõi biến động lãi suất tiền gửi và cho vay trên thị trường để điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp.

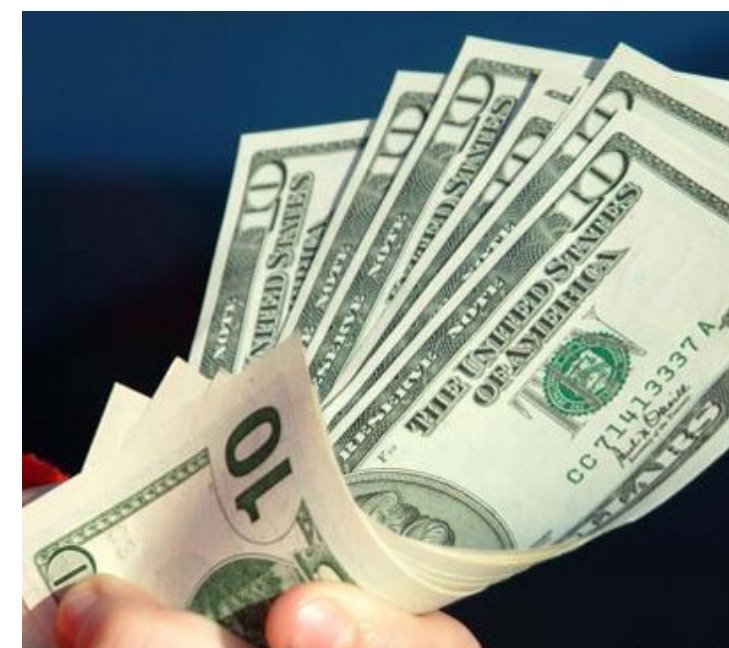


### ⚠️ Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro phát sinh do sự biến động tỷ giá làm ảnh hưởng đến dòng tiền tương lai của công ty. Công ty có các khoản mục sử dụng các đồng ngoại tệ khi vay ngân hàng, mua nguyên vật liệu và máy móc thiết bị cũng như xuất khẩu hàng hóa sang Mỹ và các nước giao dịch bằng USD. Do vậy, Công ty phải chịu rất nhiều ảnh hưởng bởi những biến động của tỷ giá hối đoái, đặc biệt là sự biến động của đồng USD. Sự biến động này sẽ ảnh hưởng đến các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty.

#### *Biện pháp kiểm soát:*

BERUBCO đang nghiên cứu sử dụng các sản phẩm phái sinh tài chính để quản trị rủi ro như các hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi tỷ giá. Công ty luôn theo dõi các biến động tỷ giá trên thị trường để có các chính sách phù hợp nhằm tối thiểu chi phí, nâng cao lợi nhuận hoạt động kinh doanh, lập kế hoạch đầu tư cũng như thanh toán các khoản vay có gốc ngoại tệ.





## CÁC RỦI RO

### **⚠ Rủi ro giá nguyên vật liệu**

Các nguyên phụ liệu đầu vào của Công ty chủ yếu là cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp, hóa chất phụ gia, vải chịu lực, cáp thép, ... Giá cao su thiên nhiên và cao su tổng hợp lại chịu tác động gián tiếp của giá dầu thế giới vì dầu thô là nguyên liệu đầu vào sản xuất cao su tổng hợp. Sự biến động này sẽ ảnh hưởng đến giá vốn hàng bán và chi phí nguyên vật liệu đầu vào của Công ty.

#### ***Biện pháp kiểm soát:***

BERUBCO duy trì chính sách hàng tồn kho phù hợp, tìm kiếm các nhà cung cấp chất lượng tốt nhằm hợp tác lâu dài nhằm duy trì nguồn cung cấp ổn định, đáp ứng kịp thời nhu cầu phục vụ sản xuất.

### **⚠ Rủi ro cạnh tranh**

Hiện nay, BERUBCO là thương hiệu sản xuất băng tải uy tín và có thị phần lớn nhất Việt Nam, đặc biệt là sản phẩm băng tải lõi thép. Tuy nhiên, Công ty đang phải chịu sự cạnh tranh đến từ các doanh nghiệp Trung Quốc với chi phí nhân công và giá thành rẻ hơn. Ngoài ra, Công ty còn chịu ảnh hưởng của các đối thủ cạnh tranh ở Thái Lan, Indo về chất lượng sản phẩm dây courroie. Đây sẽ là rủi ro khi giá đầu ra sản phẩm của Công ty không được ổn định.

#### ***Biện pháp kiểm soát:***

Công ty luôn không ngừng nâng cao năng lực sản xuất, đổi mới công nghệ và phát triển sản phẩm ngày càng hoàn thiện. Bên cạnh đó, Công ty luôn duy trì mối quan hệ với khách hàng lâu năm và tìm kiếm khách hàng mới. Việc này giúp Công ty có thể ổn định doanh thu của mình khi kiểm soát tốt giá thành sản phẩm.



### **⚠ Rủi ro pháp luật**

Hoạt động chung của Công ty chịu sự chi phối từ hệ thống Luật và văn bản dưới Luật liên quan như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động, ... Luật chứng khoán qua sửa đổi đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021, do đó các quy định liên quan sẽ tác động đến tình hình hoạt động của Công ty. Ngoài ra, các khách hàng của Công ty còn bao gồm các nước như Mỹ, Hồng Kông, Nhật Bản, ... nên các quy định về pháp luật của các quốc gia đó cũng sẽ ảnh hưởng đến Công ty.

#### ***Biện pháp kiểm soát:***

Công ty luôn theo dõi và cập nhật những điều chỉnh về mặt pháp luật và chính sách của Nhà nước để kịp thời đưa ra các phương án điều chỉnh sao cho phù hợp nhất. Công ty cũng tiến hành theo dõi các quy định ở các nước có quan hệ với Công ty để linh hoạt lập kế hoạch, phương án kinh doanh một cách hiệu quả nhất. Công ty cam kết luôn tuân thủ các quy định pháp luật trong mọi hoạt động của mình.

### **⚠ Rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro trên, các rủi ro mang tính bất khả kháng như cháy nổ, bão lũ, dịch bệnh, đặc biệt là dịch Covid - 19 còn gây tác động tiêu cực tới quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ảnh hưởng tiêu cực, gây thiệt hại về người và tài sản cho Công ty. Rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng một khi xảy ra thì mức độ ảnh hưởng rất nghiêm trọng.

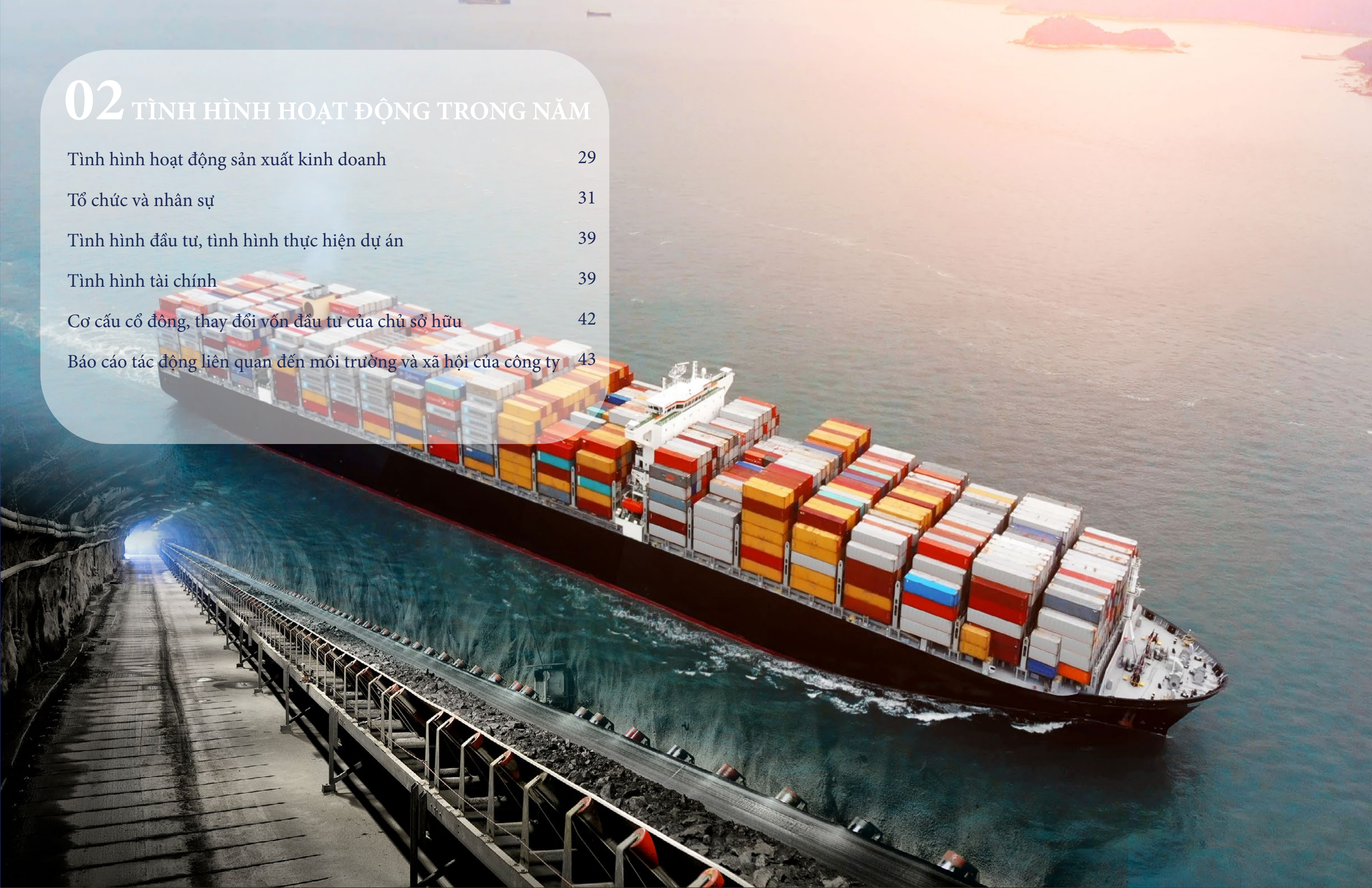
#### ***Biện pháp kiểm soát:***

Công ty chủ trương đặt tiêu chuẩn an toàn lao động lên hàng đầu, định kỳ tổ chức các buổi tập huấn phòng cháy chữa cháy nhằm phòng ngừa và hạn chế thấp nhất những hậu quả nghiêm trọng về người và tài sản khi có sự cố xảy ra. Đồng thời, Công ty đã kí các hợp đồng bảo hiểm về tài sản và con người để giảm thiểu tổn thất đến mức thấp nhất.



## 02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	29
Tổ chức và nhân sự	31
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án	39
Tình hình tài chính	39
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	42
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	43





# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	%Tăng giảm 2021/2020
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	290.169	349.531	20,46%
2	Lợi nhuận trước thuế	25.974	27.257	4,94%
3	Lợi nhuận sau thuế	21.124	21.697	2,71%

Tổng doanh thu và thu nhập năm 2021 đạt 349,53 tỷ đồng, tăng

**120,46%**

Các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 tăng trưởng so với năm 2020. Theo đó, Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2021 đạt 349,5 tỷ đồng, tăng 20,46% so với năm 2020. Trong đó, Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm 2021 đạt 348,08 tỷ đồng, tăng 20,58% so với năm 2020, do Công ty mở rộng mạng lưới khách hàng, đẩy mạnh tiêu thụ các mặt hàng băng tải và cao su kỹ thuật.

Tác động của dịch bệnh COVID - 19 làm chi phí sản xuất, vận chuyển tăng cao, giá

nguyên vật liệu đầu vào của công ty tăng dẫn đến tỷ lệ tăng lợi nhuận của Công ty thấp hơn tỷ lệ tăng của Doanh thu, lợi nhuận sau thuế đạt 21,7 tỷ đồng tăng 2,71% so với năm 2020. Nhờ sự quan tâm, chỉ đạo từ các cấp lãnh đạo và cùng sự đoàn kết, nỗ lực của toàn thể người lao động Công ty với tinh thần trách nhiệm cao, chủ động đề xuất các sáng kiến kỹ thuật, thực hiện đồng bộ các giải pháp trong công tác quản lý điều hành đã giúp công ty duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và đạt được kết quả khả quan.



## Tình hình thực hiện so với kế hoạch

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch Năm 2021	Thực hiện Năm 2021	% Thực hiện/Kế hoạch Năm 2021
1	Tổng doanh thu và thu nhập	287.654	349.531	121,51%
2	Lợi nhuận trước thuế	26.875	27.257	104,94%
3	Lợi nhuận sau thuế	21.500	21.697	102,35%

Trong năm 2021, tình hình dịch bệnh COVID - 19 diễn ra phức tạp, Chính phủ triển khai các biện pháp giãn cách xã hội, công ty phải thực hiện chính sách “3 tại chỗ” nhằm đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo lịch trình sản xuất phù hợp và đáp ứng tiến độ giao hàng, kiểm soát tốt định mức tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu, dụng cụ, ... do đó đã tiết giảm đáng kể chi phí trong quá trình sản xuất. Trên cơ sở

đó, tình hình tiêu thụ sản phẩm các loại (băng tải, cao su kỹ thuật) đã đạt kế hoạch và có mức tăng trưởng tốt hơn so với cùng kỳ năm 2020. Các chỉ tiêu Tổng doanh thu và thu nhập khác, Lợi nhuận trước thuế và Lợi nhuận sau thuế đều vượt kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua.

## Tỷ trọng doanh thu theo thị trường

Thị trường	Tỉnh /Thành/Quốc gia	Tỷ trọng
Nội địa	Bắc	33%
	Trung	16%
	Nam	28%
Xuất khẩu	Mỹ	9%
	Nhật Bản	4%
	Indonesia	2%
	Malaysia	0%
	Sing	1%
	Thái Lan	0%
	Ấn Độ	0%
	Úc	1%
	Hồng Kông	5%
	Mexico	1%
<b>Tổng cộng</b>		<b>100%</b>



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Thành viên tổ chức

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
-----	------------	---------	--------------------	--------------

### I. Thành viên Ban điều hành

1	Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Tổng Giám Đốc	16.698	0,13%
2	Huỳnh Anh Tuấn	Phó Tổng Giám Đốc	2.539	0,021%
3	Lưu Thị Tố Như	Phó Tổng Giám Đốc kiêm Kế Toán Trưởng	1.050	0,008%

### II. Thành viên Hội đồng quản trị

1	Huỳnh Tấn Siêu	Chủ tịch HĐQT	0	0
2	Phạm Đình Nhật Cường	Thành viên HĐQT (Đã miễn nhiệm)	0	0
3	Nguyễn Thanh Phúc	Thành viên HĐQT	2.310.000	18,67%
4	Diệp Xuân Trường	Thành viên HĐQT	0	0
5	Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên HĐQT	16.698	0,13%
6	Nguyễn Việt Hà	Thành viên HĐQT	0	0

### III. Thành viên Ban kiểm soát

1	Dương Hoài Trinh	Trưởng BKS	990	0,008%
2	Phạm Thị Thu Hương	Thành viên BKS	0	0
3	Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên BKS	0	0
4	Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên BKS	0	0

## Những thay đổi nhân sự trong năm

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Phạm Đình Nhật Cường	Thành viên HĐQT		07/01/2022
2	Nguyễn Thanh Phúc	Thành viên HĐQT	07/01/2022	

## THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

### Ông NGUYỄN TRẦN NGHIÊM VŨ - TỔNG GIÁM ĐỐC KIỂM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thiết kế máy

Quá trình công tác:

- 1991 - 2002: Quản đốc xưởng đế giày Công ty công nghiệp Cao su Rubimex
- 2002 - 2005: Phó phòng Kỹ thuật Công ty Cao su Bến Thành
- 2006 - 2007: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Cao su Bến Thành
- 2007 - 2016: Phó Tổng giám đốc CTCP Cao su Bến Thành
- 2016 đến nay: Tổng giám đốc CTCP Cao su Bến Thành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 16.698 cổ phiếu, chiếm 0,13% VDL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



### Bà LƯU THỊ TỐ NHƯ - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KIỂM KẾ TOÁN TRƯỞNG

Năm sinh : 1980

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính

Quá trình công tác:

- 2002 - 2005: Kế toán tổng hợp tại Công ty In Hồng Phúc
- 2006 - 2007: Kế toán thanh toán tại Công ty Cao su Bến Thành
- 2007 - nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
- 2017 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 1.050 cổ phiếu, chiếm 0,008% VDL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có





## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Ông HUỖNH ANH TUẤN - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh : 1974

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Tin học

Quá trình công tác:

- 2002 - 2004: Cán bộ Phòng Kinh doanh Công ty Cao su Bến Thành
- 2004 - 2007: Phó Phòng kinh doanh Công ty Cao su Bến Thành
- 2007 - 2014: Trưởng Phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
- 2014 - 2016: Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
- 2016 - 06/2020: Trưởng Phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
- 07/2020 đến nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Cao su Bến Thành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 2.539 cổ phiếu, chiếm 0,021% VDL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Ông HUỖNH TẤN SIÊU - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh : 1964

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Quá trình công tác:

- 1986 - 1989: Giáo viên dạy nghề tại trường Công nghiệp Chứng khoán Cao su Đông Phú thuộc Tổng Cao su Việt Nam
- 1989 - nay: Thành viên HĐQT Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư tại Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Long
- 10/2003 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Khu công nghiệp Cao su Bình Long
- 05/2020 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT CTCP Khu công nghiệp Cao su Bình Long
- Thành viên HĐQT Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư tại Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Long

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



### Ông NGUYỄN THANH PHÚC - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh : 1975

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Thạc sỹ QTKD

Quá trình công tác:

- 02/2003 - 04/2004: Nhân viên Nhà máy Frit\_Men Khu công nghiệp Mỹ Xuân A
- 04/2004 - 09/2005: Nhân viên Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn
- 09/2005 - 08/2007: Nhân viên Nhà máy xi măng Hòn Chông và Công ty Xi măng liên doanh Holcim
- 08/2007 - 08/2008: Nhân viên Phòng Vật tư Thiết bị Công trình, Ban QLDA Xi măng Hà Tiên 1
- 08/2008 - 11/2009: Nhân viên Phòng Công nghệ Dự án, Ban QLDA Xi măng Hà Tiên 1 – CTCP Xi măng Hà Tiên 1
- 11/2009 - 10/2011: Phó phụ trách Phòng Công nghệ Dự án, Ban QLDA Xi măng Hà Tiên 1 – CTCP Xi măng Hà Tiên 1
- 10/2011 - 12/2015: Quản đốc Xưởng sửa chữa Chi nhánh CTCP Xi măng Hà Tiên 1 – Nhà máy xi măng Bình Phước
- 12/2015 - 07/2018: PGĐ Kỹ thuật Chi nhánh CTCP Xi măng Hà Tiên 1 – Nhà máy xi măng Bình Phước
- 08/2018 - 11/2019: Giám đốc Chi nhánh CTCP Xi măng Hà Tiên 1 – Nhà máy xi măng Kiên Lương
- 11/2019 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc nhà máy Chi nhánh CTCP Xi măng Hà Tiên 1 – Nhà máy xi măng Kiên Lương
- 01/2022 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Cao su Bến Thành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc CTCP Xi măng Hà Tiên 1

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 2.310.000 cổ phiếu, chiếm 18,67% VDL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



### Ông DIỆP XUÂN TRƯỜNG - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh : 1980

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ điện Nông nghiệp

Quá trình công tác:

- 04/2005 – 12/2008: Nghiên cứu viên - Phòng đo lường tự động hóa Viện cơ điện Nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch
- 01/2009 – 12/2010: Chuyên viên Ban Quản lý kỹ thuật Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
- 12/2010 – 11/2018: Chuyên viên Ban Quản lý kỹ thuật Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
- 12/2018 - nay: Phó Trưởng Ban Công nghiệp Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
- 04/2019 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Trưởng Ban Công nghiệp Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có





# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Ông NGUYỄN VIỆT HÀ - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh: 1979

Trình độ chuyên môn: Cử nhân vật lý

Quá trình công tác:

- 2002 – 2006: Chuyên viên P.Kỹ thuật Cơ điện - Công ty Thuốc Lá Bến Thành
- 2006 – 2008: Phó Giám đốc XN thuốc lá Bến Thành 2 - Công ty Thuốc Lá Bến Thành
- 2008 – 2010: Phó Giám đốc - Nhà máy thuốc lá Bến Thành
- 2010 – 2013: Phó phòng P. Kỹ thuật Công nghệ - Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn
- 2010 – 2015: Phó phòng P. Kỹ thuật Chất lượng - Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn
- 2015 – nay: Giám đốc P. Kỹ thuật Chất lượng - Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn
- 05/2020 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Cao su Bến Thành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Giám đốc P. Kỹ thuật Chất lượng - Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VĐL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



## THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

## Bà DƯƠNG HOÀI TRINH - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh : 1980

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Kiểm toán

Quá trình công tác:

- 2002– 2003: Làm việc tại Công ty TNHH Thương mại Xây Dựng Bảo Châu
- 2003 – 2004: Làm việc tại Công ty TNHH Thương Mại Đông Nam Phát
- 2004 - 2005: Làm việc tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa
- 2008 - nay: Làm việc tại Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 990 cổ phiếu, chiếm 0,008% VĐL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



## Bà PHẠM THỊ THU HƯỜNG - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh : 1966

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán

Quá trình công tác:

- 1991 – 2007 : Làm việc tại Công ty cao su Kontum
- 2008 - nay : Làm việc tại Ban Tài chính – Kế toán Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
- 2015 đến nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cao su Bến Thành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VĐL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



## Bà LƯƠNG THỊ ÁNH NGUYỆT - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh : 1983

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

- 2004 - 2014: Công tác tại Trung tâm Công nghệ phần mềm Sài Gòn – Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn
- 04/2015 - nay : Công tác tại phòng Kế hoạch Kinh doanh – Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VĐL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



## Ông TRẦN NGUYỄN HUY HÙNG - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 1983

Trình độ chuyên môn: Cử nhân vật lý

Quá trình công tác:

- 10/2003 đến 2019: Phó Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1
- 04/2019 – Nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cao su Bến Thành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VĐL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có





# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Số lượng cán bộ, nhân viên:

STT	Tiêu chí	Năm 2020		Năm 2021	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>I Theo trình độ lao động</b>					
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	36	18,75	38	18,10
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	16	8,33	19	9,05
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	6	3,13	9	4,29
4	Lao động phổ thông	134	69,79	144	68,57
<b>II Theo đối tượng lao động</b>					
1	Lao động trực tiếp	133	69,27	144	68,57
2	Lao động gián tiếp	59	30,73	66	31,43
<b>III Theo giới tính</b>					
1	Nam	158	82,29	171	81,43
2	Nữ	34	17,71	39	18,57
<b>IV Theo thời hạn HĐLĐ</b>					
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	0	-	0	-
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	76	39,58	82	39,05
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	116	60,42	128	60,95
<b>Tổng cộng</b>		<b>192</b>		<b>210</b>	

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lượng người lao động (người)	185	180	184	210
Thu nhập bình quân (Triệu đồng/người/năm)	100,440	121,980	137,460	155,172

Chính sách nhân sự



Về đào tạo

**Đào tạo nhân sự mới:** Khi tuyển nhân viên mới, các chương trình đào tạo chung và chuyên môn riêng sẽ được áp dụng để người lao động hiểu hơn về kỹ năng, nghiệp vụ cần có phục vụ công việc. Sau các khóa đào tạo, các bài kiểm tra được thực hiện nhằm đánh giá nhân sự có phù hợp với công việc hay không.

**Đào tạo nội bộ:** Các chính sách đào tạo nội bộ được áp dụng cho toàn thể cán bộ công nhân viên đang làm việc tại công ty nhằm nâng cao năng lực, tay nghề và ứng dụng kiến thức, kỹ năng mới để đáp ứng yêu cầu nhân lực trình độ cao trong tương lai.



Về tuyển dụng

Công ty tuyển dụng tất cả các ứng viên tiềm năng, phù hợp, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, giới tính. Mục tiêu của công ty là chọn được người có đủ năng lực làm việc, phẩm chất làm việc thông qua quá trình tuyển chọn công bằng, khách quan. Các ứng viên mới được giới thiệu về văn hóa công ty, có thời gian thử việc và đánh giá thử việc. Nhân viên phù hợp sẽ được chính thức tuyển dụng bằng quyết định ký Hợp đồng lao động.



Về môi trường công việc

Công ty cung cấp cho người lao động môi trường làm việc cũng như cơ sở vật chất đầy đủ tiện nghi, khang trang và hiện đại. Các biện pháp bảo hộ lao động cũng được công ty áp dụng nghiêm ngặt đối với công nhân trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất các sản phẩm cao su. Công ty cam kết xây dựng môi trường làm việc thoải mái và thân thiện để người lao động an tâm làm việc và gắn bó lâu dài với công ty.



Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Các chế độ BHXH, BHYT, BHTN của người lao động được công ty đảm bảo tham gia đầy đủ. Các buổi khám sức khỏe định kỳ dành cho nhân viên công ty được tổ chức để sớm phát hiện bệnh và công ty sẽ có hỗ trợ cho người mắc bệnh. Công ty có trích lập các Quỹ khen thưởng và phúc lợi dựa trên mức độ hoàn thành công việc hàng năm. Công ty định kỳ tổ chức các buổi tham quan, nghỉ dưỡng, tạo động lực làm việc cho nhân viên.



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

ĐVT: Đồng

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Thực hiện			Ghi chú
			Giá trị hợp đồng	Đã giải ngân	Tỷ lệ	
1	Máy cán hồ 2 trục và bộ đảo keo	2.020.000.000	2.016.600.000	2.016.600.000	100%	
2	Máy hút chân không 350 tấn	1.850.000.000	1.815.000.000	1.815.000.000	100%	
3	Xe nâng Mitsubishi	500.000.000	460.000.000	460.000.000	100%	
4	Belt thép	3.630.000.000				chưa thực hiện
<b>Cộng</b>		<b>8.000.000.000</b>	<b>4.291.600.000</b>	<b>4.291.600.000</b>	<b>100%</b>	

Các công ty con, công ty liên kết: Không có

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% Tăng giảm 2021/2020
1	Tổng giá trị tài sản	294.082	311.352	5,87%
2	Doanh thu thuần	288.670	348.077	20,58%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	26.151	26.911	2,90%
4	Lợi nhuận khác	(178)	346	194,74%
5	Lợi nhuận trước thuế	25.974	27.257	4,94%
6	Lợi nhuận sau thuế	21.124	21.697	2,71%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%		

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,05	2,02
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,13	1,22
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	29,73	32,06
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	42,31	47,18
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,11	3,37
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,03	1,15
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,32	6,23
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,1	0,1
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,08	0,07
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	9,06	7,73



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Chỉ tiêu về Khả năng thanh toán

Các chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty trong năm 2021 không biến động nhiều. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn, hệ số thanh toán nhanh lần lượt đạt mức 2,02 và 1,22 lần. Do ảnh hưởng của dịch bệnh nhằm linh hoạt trong chính sách bán hàng, công ty đã áp dụng các chính sách nới lỏng thời gian thu tiền đối với các khách hàng dẫn đến các khoản phải thu ngắn hạn năm 2021 tăng 26,66% so với năm 2020. Dù vậy, các hệ số thanh toán này vẫn đang lớn hơn mức 1 cho thấy tính an toàn cao trong khả năng thanh toán ngắn hạn của BERUCO.

### Chỉ tiêu về Cơ cấu vốn

Tỷ lệ Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu đều tăng so với năm 2020, 02 chỉ số này đang được ghi nhận lần lượt ở mức 32,06% và 47,18%. Trong năm 2021, tỷ lệ nợ chiếm 32,06% so với vốn chủ sở hữu. Công ty đã tận dụng được nguồn vốn vay từ ngân hàng khi Chính phủ chỉ đạo giảm lãi suất hỗ trợ các doanh nghiệp gặp khó khăn trong dịch COVID - 19.



### Chỉ tiêu về Năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho năm 2021 tăng từ 3,11 lên 3,37, tăng 26,36%. Tuy lượng hàng tồn kho không biến động nhiều nhưng giá vốn hàng bán tăng dẫn đến sự thay đổi đáng kể ở chỉ số này. Vòng quay tổng tài sản tăng từ 1,03 lên 1,15 tăng 12,45%. Hiệu quả sử dụng tài sản của công ty đã được cải thiện so với năm 2020. Doanh thu thuần 2021 đạt 348 tỷ đồng, tăng 20,58% so với năm 2020. Tổng tài sản 2021 đạt 311 tỷ đồng, tăng 5,87% so với năm 2020. Các khoản phải thu khách hàng tăng lên do trong năm công ty thực hiện các chính sách tín dụng thương mại nhằm hỗ trợ, san sẻ khó khăn với khách hàng trong thời kỳ dịch bệnh.

### Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời

Tỷ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần giảm 14,82% so với cùng kỳ năm trước vì mức độ giảm lợi nhuận sau thuế nhiều hơn mức độ giảm doanh thu thuần. Giá vốn hàng bán tăng cao đã làm giảm lợi nhuận sau thuế và ảnh hưởng đến chỉ số này của doanh nghiệp. Hệ số ROE và ROA không biến động nhiều cho thấy doanh nghiệp sử dụng hiệu quả nguồn vốn chủ sở hữu và tài sản của mình, từ đó duy trì mức sinh lợi của công ty trong tình hình dịch bệnh COVID - 19 diễn biến phức tạp. Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần giảm 14,66% do lợi nhuận không đổi và doanh thu thuần tăng cao, trong đó doanh thu bán sản phẩm cao su tăng cao.



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

TỔNG SỐ CỔ PHIẾU ĐÃ PHÁT HÀNH

12.374.997 cổ phiếu

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH 12.374.997 cổ phiếu	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU QUỸ 0 cổ phiếu
LOẠI CỔ PHẦN Cổ phần phổ thông	MỆNH GIÁ CỔ PHẦN 10.000 đồng/cổ phần

### Cơ cấu cổ đông

Tính tại ngày 31/12/2021

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
I	Cổ đông Nhà nước	2.457.578	20	1	1	0
II	Cổ đông lớn	8.355.658	68	2	2	0
III	Cổ đông khác	1.561.761	13	459	29	430
1	Trong nước	1.469.641	12	437	13	424
2	Nước ngoài	92.120	1	22	16	6
<b>Tổng cộng</b>		<b>12.374.997</b>	<b>100</b>	<b>462</b>	<b>32</b>	<b>430</b>
1	Trong nước	12.282.877	99	440	16	424
2	Nước ngoài	92.120	1	22	16	6

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0%

### Cổ đông lớn

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	TCT Công Nghiệp SG-TNHH MTV	11/121 Lê Đức Thọ, Phường 17, Quận Gò Vấp	2.457.578	19,86
2	TĐ Công Nghiệp cao su VN-CTCP	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3	6.045.658	48,85
3	Cty CP Xi Măng Hà Tiên 1	360 Bến Chương Dương, Phường Cầu Kho, Quận 1	2.310.000	18,67

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

## Tác động lên môi trường:

- » Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp
  - Khí nhà kính là những khí có khả năng hấp thụ các bức xạ sóng dài được phản xạ từ bề mặt Trái Đất khi được chiếu sáng bằng ánh sáng mặt trời, sau đó phân tán nhiệt lại cho Trái Đất, gây nên hiệu ứng nhà kính. Các khí nhà kính chủ yếu bao gồm: CO<sub>2</sub>, CH<sub>4</sub>, N<sub>2</sub>O và các khí CFC. Hiệu ứng nhà kính gây ra biến đổi khí hậu, dẫn đến thiếu nguồn nước sạch để sinh hoạt, ảnh hưởng đến môi trường sống của sinh vật và đời sống hàng ngày của con người.
  - Quá trình hoạt động, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sẽ làm gia tăng lượng khí thải nhà kính. Các hoạt động sản xuất bằng tải, dây courroie, bánh xích cao su, ... đều sử dụng nguồn nhiên liệu hóa thạch, điều này là một phần nguyên nhân gây tác động xấu đến môi trường xung quanh.
- » Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Công ty chủ động sử dụng nguồn nhiên liệu xanh, thân thiện với môi trường, nghiên cứu cải tiến quy trình sản xuất giảm thiểu khí thải và rác thải, đầu tư vào hệ thống mới tiết kiệm nhiên liệu và đảm bảo chất lượng đầu ra.
  - Đầu tư chuyển đổi công nghệ lưu hóa sản phẩm từ than đốt lò sang lưu hóa dầu để giảm khí thải và bụi than.
  - Thay thế tôn sáng, gắn quả cầu nhiệt đối lưu tạo ánh sáng và khí tự nhiên thay cho sử dụng điện.
  - Áp dụng dụng hệ thống nước giải nhiệt tuần hoàn.
  - Cải tiến hệ thống thu hồi dung môi thất thoát trong sản xuất.
  - Giảm thời gian lưu hóa sản phẩm làm giảm nhiên liệu tiêu hao.
  - Ngoài ra, công tác tham gia hoạt động bảo vệ môi trường, các hình ảnh bằng rôn tuyên truyền về bảo vệ môi trường, biển đảo, bảo vệ rừng cũng được doanh nghiệp chú trọng và đưa vào kế hoạch định kỳ.

## Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào của công ty là cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp, hóa chất, vải chịu lực, cáp thép, ... Công ty tiến hành lập kế hoạch quản lý, dự trữ để đảm bảo cung cấp kịp thời và đầy đủ nhu cầu sản xuất của công ty. Công ty cũng đánh giá, dự kiến mức nguyên vật liệu mà mình sẽ sử dụng để tối ưu hóa khả năng cung cấp, tránh tồn kho quá nhiều gây lãng phí cho Công ty.

## Tiêu thụ năng lượng:

Công ty định kỳ yêu cầu các văn phòng, nhà máy của mình báo cáo tình hình sử dụng năng lượng nhằm theo dõi mức sử dụng năng lượng của Công ty. Hoạt động tiêu thụ năng lượng của nhà máy phải tuân thủ quy định và định mức năng lượng nhằm tối đa hóa hiệu quả của hệ thống vận hành kết hợp với tiết kiệm năng lượng. Nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ công nhân viên, việc truyền thông nội bộ được thực hiện thường xuyên và nghiêm túc. Toàn thể nhân viên công ty luôn ý thức trong việc thực hành tiết kiệm năng lượng vì mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

## Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- » Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- » Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

## Tiêu thụ nước

Các nước trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đang phải đối mặt với nhiều thách thức liên quan đến nguồn nước. Ở nhiều nơi đã và đang xảy ra tình trạng lượng nước cung cấp bị suy giảm nghiêm trọng đi đôi với hiện tượng lũ lụt, nước biển dâng, triều cường, xâm nhập mặn, ... Các hiện tượng này ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống của người dân và ảnh hưởng đến nguồn cung nước của công ty. Hiểu được vấn đề này, Công ty chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro ô nhiễm nguồn nước bằng việc nâng cấp hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường, bảo vệ môi trường sống, khuyến khích cán bộ công nhân viên sử dụng tiết kiệm nước.

## Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Trong hành trình 45 năm dựng xây và phát triển, BERUBCO luôn trung thành với triết lý kinh doanh phát triển bền vững gắn liền với trách nhiệm xã hội và chính điều này đã góp phần tạo nên hình ảnh một BERUBCO thân thiện, có trách nhiệm với cộng đồng. BERUBCO luôn phát huy tinh thần tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách để đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng. Công ty tuân thủ các chính sách an sinh xã hội ở địa bàn hoạt động nhằm góp một phần lợi ích vào sự phát triển chung của xã hội. Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm, tạo điều kiện đóng góp vào các dự án xã hội của địa phương, thăm hỏi các gia đình chính sách, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, vận động kế hoạch hóa gia đình, phòng chống dịch bệnh, ... Ngoài ra, Công ty còn thực hiện các công tác giáo dục pháp luật cần thiết cho người dân, tổ chức phong trào môi trường xanh sạch đẹp của địa phương, ... đặc biệt là tại trụ sở công ty ở huyện Củ Chi.



# 03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	47
Tình hình tài chính	48
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, quản lý	49
Kế hoạch phát triển trong tương lai	51
Giải trình ý kiến của Ban Tổng Giám đốc với ý kiến kiểm toán	52





# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## NHỮNG KHÓ KHĂN, THUẬN LỢI TRONG NĂM 2021

### THUẬN LỢI

- Công ty vẫn duy trì được lượng dự trữ hàng tồn kho lớn trong bối cảnh dịch bệnh COVID – 19 vẫn đang diễn biến phức tạp, điều này tạo nên lợi thế cạnh tranh cho công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành.
- Việt Nam hiện nay có sản lượng cao su xếp thứ ba thế giới (chiếm khoảng 7,7% tổng sản lượng cao su tự nhiên thế giới) chỉ sau Thái Lan và Indonesia. Điều này đảm bảo nguồn cung cao su trong nước, công ty hạn chế nhập khẩu lượng cao su tổng hợp, cao su thiên nhiên, ... từ đó giảm thiểu được rủi ro tỷ giá cũng như chi phí liên quan đến việc nhập khẩu của mình.
- Tiến độ tiêm chủng vaccine COVID – 19 được đẩy mạnh, Thành phố Hồ Chí Minh mở cửa và tiến hành sản xuất trở lại. Từ đó, kỳ vọng về sự phục hồi sản xuất cho các doanh nghiệp trong nước diễn biến tích cực. Điều này tạo nên thuận lợi cho các công ty khai thác than, khoáng sản, xi măng và sản xuất gạo ở Việt Nam dẫn đến ổn định và tăng tiêu thụ sản phẩm của Cao su Bến Thành.
- Công ty vẫn giữ vững được thị trường sẵn có, tiếp tục mở rộng ra các thị trường tiềm năng. Bản thân công ty luôn lập các phương án phát triển mới để tìm cách tăng cường sức cạnh tranh của mình.



### KHÓ KHĂN

- Tình hình dịch bệnh đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng. Việc gián đoạn chuỗi cung ứng, các nghị quyết về việc giãn cách xã hội, sản xuất 3 tại chỗ đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và chi phí của công ty.
- Các sản phẩm của công ty chịu sự cạnh tranh từ các sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc, nhất là sản phẩm băng tải khi Trung Quốc có sự cạnh tranh về chi phí nhân công và giá thành. Không chỉ Trung Quốc, BERUBCO còn chịu sự cạnh tranh về chất lượng sản phẩm dây courroie từ các công ty ở Thái Lan và Indonesia.
- Quá trình xuất khẩu các sản phẩm cao su kỹ thuật của công ty (tấm chắn bùn xuất khẩu vào thị trường Mỹ, tấm lót sàn xe vào thị trường Nhật Bản, sản phẩm băng tải cao su bida vào thị trường Mỹ, Indonesia, ...) đã bị ảnh hưởng bởi sự gián đoạn chuỗi cung ứng khi giá cước vận tải bị biến động.



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	TH 2021/ TH 2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Tài sản ngắn hạn	178.829	201.178	112,50%	60,81%	64,61%
Tài sản dài hạn	115.253	110.174	95,59%	39,19%	35,39%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>294.082</b>	<b>311.352</b>	<b>105,87%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

Tính đến 31/12/2021, tổng tài sản của BERUBCO đạt 311,35 tỷ đồng, tăng 17,27 tỷ đồng tương ứng tăng 5,87% so với năm 2020. Trong đó, tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn với 64,61% trong cơ cấu tổng tài sản, và tăng 12,50% so với năm trước; trong khi đó tài sản dài hạn giảm 4,41% so với năm 2020. Tài sản ngắn hạn đạt 201,18 tỷ đồng, tăng 12,5% so với cùng kỳ năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu do các khoản phải thu khách hàng tăng 20,49 tỷ đồng, tương ứng tăng 26,66% so với năm 2020 khi Công ty thực hiện các chính sách tín dụng thương mại nhằm gia hạn thời gian thanh toán cho khách hàng, hỗ trợ khách hàng trong khoảng thời gian khó khăn của dịch bệnh COVID - 19.

Trong đó, các khoản phải thu khách hàng đạt 101,66 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn 48,40% trong cơ cấu tài sản ngắn hạn. Ngoài ra, hàng tồn kho ghi nhận 79,46 tỷ đồng, chiếm 39,50% trong cơ cấu tài sản ngắn hạn và duy trì ổn định trong năm đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu thụ của khách hàng. Tài sản dài hạn đạt 110,17 tỷ đồng, giảm nhẹ 4,41% so với cùng kỳ năm 2020. Hầu hết các khoản mục trong tài sản dài hạn đều thay đổi không đáng kể. Do đặc trưng của ngành, tài sản cố định luôn chiếm tỷ trọng lớn, cụ thể là 73,79% trong tài sản dài hạn của Công ty, đạt 81,29 tỷ đồng vào cuối năm 2021.

### Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	TH 2021/ TH 2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Nợ ngắn hạn	87.427	99.808	114,16%	100%	100%
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>87.427</b>	<b>99.808</b>	<b>114,16%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

Tổng nợ phải trả của BERUBCO cuối năm 2021 ghi nhận 99,81 tỷ đồng, tăng 12,38 tỷ đồng, tương ứng 14,16% so với năm 2020. Trong đó bao gồm toàn bộ là Nợ ngắn hạn. Nợ ngắn hạn năm 2021 đạt 99,81 tỷ đồng, tăng 14,16% so với năm 2020. Trong năm, Công ty có các khoản vay ngắn hạn chiếm 46,20% tổng khoản mục nợ ngắn hạn. Nguồn vốn vay

dùng để bổ sung vốn lưu động nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng Vay nợ ngắn hạn tính đến 31/12/2021 là 46,11 tỷ đồng với lãi suất vay từ 3,2 đến 4,5%/năm. Ngoài ra, khoản phải trả ngắn hạn khác tăng lên 170,91% so với năm 2020 là do tăng khoản cổ tức, lợi nhuận phải trả.



## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ

### TRONG CÔNG TÁC SẢN XUẤT

- Thực hiện tốt việc duy trì ổn định chất lượng các dòng sản phẩm chủ lực của công ty: băng tải, dây curoa, cao su kỹ thuật... đảm bảo sự tuân thủ Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015.
- Triển khai phương án sản xuất 3 tại chỗ, kế hoạch phòng chống dịch; trang bị các dụng cụ vật tư đảm bảo an toàn phòng dịch.
- Thực hiện thành công nối đầu băng tải lõi thép khổ 2400mm, đây là khổ rộng băng tải lớn nhất từ trước đến nay mà Bến Thành thực hiện.
- Tham gia huấn luyện nhóm I, II, IV cho cán bộ quản lý sản xuất.
- Thực hiện đánh giá công nhân hàng tháng nhằm duy trì sự tuân thủ chấp hành tốt nội quy, công việc.
- Duy trì thường xuyên việc giám sát nội quy lao động tại xưởng sản xuất, đảm bảo sản xuất an toàn theo phương án 3 tại chỗ.
- Hoàn thành công tác huấn luyện định kỳ năm 2021.

### TRONG CÔNG TÁC KỸ THUẬT

- Cải tiến thành công nối đầu đai lưu hóa nổi cho dây courroie làm ngoại quan đẹp hơn nhiều, kéo dài tuổi thọ gấp ba lần so với trước đây.
- Kéo giảm được hơn 3% tỷ lệ phế phẩm của dòng sản phẩm mới MPE khách hàng Mỹ so với giai đoạn đưa mới đưa vào sản xuất; đồng thời cải thiện được năng suất đáp ứng yêu cầu tăng sản lượng hơn 30%.
- Áp dụng thành công vải chịu lực mới cho dây courroie để tăng ngoại quan đạt yêu cầu của khách hàng.





# KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	KH 2022/TH 2021
<b>I</b>	<b>SẢN XUẤT</b>				
	<b>Sản phẩm chính các loại</b>				
	Băng tải	m <sup>2</sup>	181.175	179.000	99
	Băng tải lõi thép	m <sup>2</sup>	13.294	15.000	113
	Courroie	Inch	20.323.293	21.500.000	106
	Cao su kỹ thuật	Kg	1.791.536	1.850.000	103
<b>II</b>	<b>TIÊU THỤ</b>				
	<b>Sản phẩm chính các loại</b>				
	Băng tải	m <sup>2</sup>	187.957	179.000	95
	Băng tải lõi thép	m <sup>2</sup>	20.042	15.000	75
	Courroie	Inch	21.206.336	21.500.000	101
	Cao su kỹ thuật	Kg	1.826.746	1.850.000	101
<b>III</b>	<b>TỔNG DOANH THU</b>	Tr.đồng	349.437	343.822	98
	Doanh thu chính	Tr.đồng	337.432	337.322	100
	<i>Trong đó: Doanh thu xuất khẩu</i>	Tr.đồng	80.808	88.335	109
	Doanh thu khác	Tr.đồng	12.005	6.500	54
	Giá vốn hàng bán	Tr.đồng	268.555	264.163	98
	Chi phí tài chính	Tr.đồng	2.779	2.807	101
	Chi phí bán hàng	Tr.đồng	38.780	37.952	98
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr.đồng	12.066	11.849	98
	Kết quả kinh doanh	Tr.đồng	27.257	27.051	99
	Các khoản phải nộp ngân sách	Tr.đồng	31.090	32.000	103

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	KH 2022/TH 2021
<b>II</b>	<b>XUẤT NHẬP KHẨU</b>				
	Kim ngạch nhập khẩu	1.000 USD	2.998	2.800	93
	Kim ngạch xuất khẩu	1.000 USD	3.510	3.900	111
<b>III</b>	<b>ĐẦU TƯ</b>	Tr.đồng			
1	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tr.đồng	4.292	8.400	196
a	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tr.đồng	4.292	3.600	84
	- Máy móc, thiết bị, khuôn mẫu	Tr.đồng	4.292	3.600	84
b	Sửa chữa thiết bị, khuôn mẫu	Tr.đồng	-	4.800	
	- Vật tư, phụ tùng thay thế		-	4.800	
2	Nguồn vốn đầu tư	Tr.đồng	4.292	8.400	196
	Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	4.292	8.400	196
<b>IV</b>	<b>CHỈ TIÊU KHÁC</b>				
	Tổng số lao động bình quân	Người	211	215	102
	Thu nhập tiền lương bình quân (người/tháng)	Tr.đồng	12.920	13.000	101
	Cổ tức	%	10	10	100

## Kế hoạch đầu tư

Dự kiến trong năm 2022, công ty triển khai đầu tư các hạng mục, trong đó cụ thể như sau

STT	Hạng mục đầu tư	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)
1	Máy ép băng tải tai bò	1.400
2	Hệ thống cầu trục 20 tấn	2.200
3	Belt thép (KH 2021 chưa thực hiện)	4.100
4	Motor DC 175HP một chiều	700

## GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có



## 04 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty 55

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám

đốc công ty 56

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 57





## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### Về hoạt động kinh doanh

Năm 2021 có thể được xem như một năm thành công của BERUBCO khi bất chấp các khó khăn thách thức, công ty đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch của mình. Phần trăm thực hiện so với kế hoạch của khoản mục doanh thu là 121,51% bất chấp tác động tiêu cực của dịch bệnh COVID – 19. Hội đồng quản trị đã đưa ra những quyết định đúng đắn về chính sách, phương hướng, chiến lược phát triển cho công ty. Bên cạnh đó còn có sự đóng góp của Ban điều hành và toàn thể cán bộ người lao động ở công ty để đạt được tất cả kế hoạch ở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

### Về môi trường và xã hội

Thực hiện tốt trách nhiệm về môi trường và xã hội luôn là định hướng chiến lược cốt lõi của Hội đồng quản trị BERUBCO. Các chính sách về tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước và giảm phát thải nhà kính luôn được công ty áp dụng linh hoạt. Công ty ủng hộ các chiến dịch phòng chống dịch bệnh COVID – 19 trên địa bàn hoạt động của mình. Ngoài ra, Công ty còn sử dụng nguồn quỹ để giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn, chung tay bảo vệ môi trường và chung tay bảo vệ quyền trẻ em.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



“

**K**ết thúc năm 2021, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 đề ra.

”

Các thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo thực hiện đúng theo quy định và điều lệ công ty trong hoạt động giám sát của mình. Hội đồng quản trị công ty luôn sâu sát, kịp thời chỉ đạo, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quản lý, điều hành của Tổng Giám đốc công ty.

Hội đồng quản trị thường xuyên đánh giá hiệu quả hoạt động của Tổng Giám đốc về kết quả triển khai nhiệm vụ được giao. Ban điều hành công ty triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phù hợp với nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, nghị quyết và chỉ đạo của Hội đồng quản trị.


Tổng Giám đốc có chủ động trong việc xây dựng và đề xuất các vấn đề trọng tâm lên Hội đồng quản trị xem xét quyết định. Tổng giám đốc công ty đã hoàn thành các bảng báo cáo tài chính năm 2021 kịp thời, chính xác.



## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


Năm 2022, Hội đồng quản trị tập trung công tác nâng cao chất lượng quản trị công ty và điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Căn cứ vào tình hình thực tế, Hội đồng quản trị thống nhất mục tiêu kế hoạch là duy trì sự ổn định và phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

### Những giải pháp cơ bản


**1**  Tăng cường công tác quản lý từ tổ chức, quản trị các hoạt động sản xuất, kinh doanh; quản trị tài chính; quản trị các chi phí theo đúng quy định. Nâng cao ý thức trách nhiệm của ban điều hành và người lao động. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng tính chuyên nghiệp trong nghiệp vụ, sản xuất.


**2**  Chỉ đạo, triển khai thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.


**3**  Chú trọng giữ vững thị trường hiện có, tăng cường công tác tiếp thị, chủ động, tích cực tìm kiếm các thị trường, mở rộng thị trường trong, ngoài nước, trong đó tập trung công tác xuất khẩu và quan hệ thương mại với các đối tác nước ngoài.


**4**  Phát huy và tăng cường áp dụng các giải pháp kỹ thuật và giải pháp quản lý nhằm tiết kiệm chi phí - tăng thu nhập cho người lao động.

## Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

**1**  Tiếp tục duy trì và phát huy Hệ thống quản lý chất lượng, áp dụng các phương pháp tiên tiến trong điều hành sản xuất, khai thác tối đa công suất máy móc thiết bị, nâng cao năng suất lao động, sản lượng từng mặt hàng; đầu tư đổi mới công nghệ ứng dụng trong quản lý và sản xuất.

**2**  Chú trọng công tác quản lý phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, từng bước hoàn thiện bộ máy công ty theo hướng chuyên nghiệp hóa.

**3**  Phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành công ty triển khai các giải pháp quản trị, kiểm soát và đánh giá các hoạt động từng tháng và quý. Chủ động triển khai các giải pháp điều hành kịp thời, có hiệu quả, đảm bảo đạt được mục tiêu, kế hoạch đề ra.

**4**  Bổ sung, hoàn thiện các quy chế theo qui định pháp luật.

**5**  Tập trung chỉ đạo và thực hiện công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý công ty và cán bộ nội bộ.

**6**  Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

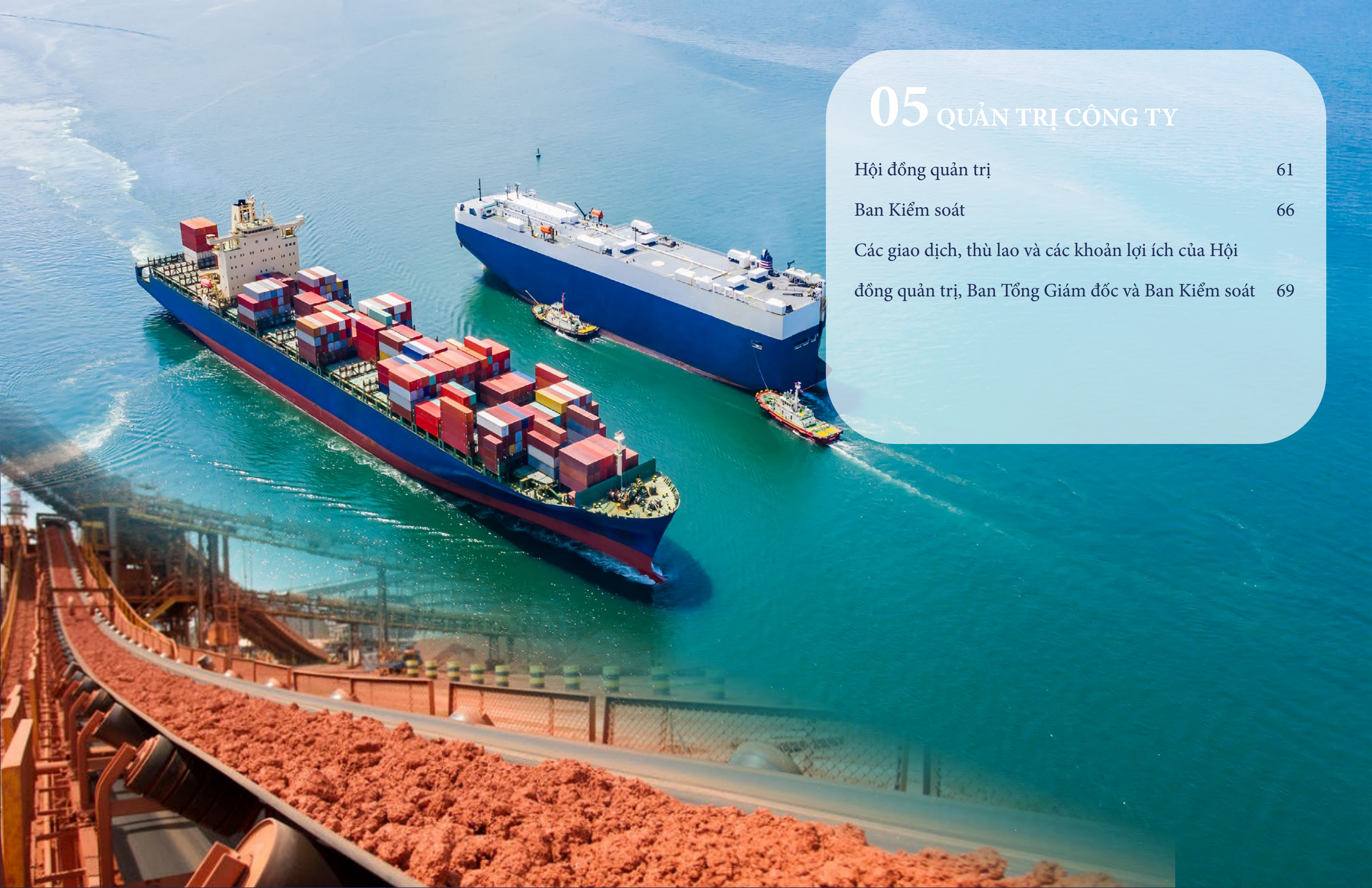


## 05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị 61

Ban Kiểm soát 66

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát 69





## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Huỳnh Tấn Siêu	Chủ tịch HĐQT	0	0
2	Phạm Đình Nhật Cường (Đã miễn nhiệm)	Thành viên HĐQT	0	0
3	Nguyễn Thanh Phúc	Thành viên HĐQT	2.310.000	18,67%
3	Diệp Xuân Trường	Thành viên HĐQT	0	0
4	Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên HĐQT	16.698	0,13%
5	Nguyễn Việt Hà	Thành viên HĐQT	0	0

### Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT



### Hoạt động của Hội đồng quản trị

#### Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

- Trong năm 2021, Hội đồng quản trị công ty đã hoạt động đúng theo quy định và hoàn thành tốt tất cả các kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đưa ra. Các định hướng, chiến lược được Hội đồng quản trị đưa ra kịp thời, chính xác và đảm bảo hiệu quả trong tình hình dịch bệnh COVID - 19 diễn biến phức tạp và có những thay đổi bất ngờ.
- Hoạt động giám sát được các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo đúng qui định và điều lệ của công ty
- Kịp thời chỉ đạo giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quản lý, điều hành của Tổng Giám đốc công ty. Thường xuyên đánh giá hiệu quả hoạt động của Tổng Giám đốc kết quả triển khai nhiệm vụ được giao
- Ban điều hành công ty triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phù hợp với nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, nghị quyết và chỉ đạo của Hội đồng quản trị
- Tổng Giám đốc có chủ động trong việc xây dựng và đề xuất các vấn đề trọng tâm lên Hội đồng quản trị xem xét quyết định.
- Tổng Giám đốc công ty đã hoàn thành các bảng báo cáo tài chính năm 2020 kịp thời, chính xác.

#### Các cuộc họp Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Huỳnh Tấn Siêu	Chủ tịch HĐQT	04	100%	
2	Phạm Đình Nhật Cường	Thành viên HĐQT	04	100%	
3	Nguyễn Thanh Phúc	Thành viên HĐQT	0	0%	Bầu bổ sung 07/01/2022
3	Diệp Xuân Trường	Thành viên HĐQT	04	100%	
4	Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên HĐQT	04	100%	
5	Nguyễn Việt Hà	Thành viên HĐQT	04	100%	





# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Nội dung và kết quả của các cuộc họp:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	350/QĐ-HĐQT	01/03/2021	Quyết định về ngày cuối cùng tham dự ĐHCĐ năm 2021
2	351/QĐ-HĐQT	01/03/2021	Quyết định phê duyệt quyết toán quỹ lương năm 2020
3	352/QĐ-HĐQT	01/03/2021	Quyết định phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và viên chức quản lý không chuyên trách năm 2020
4	353/NQ-HĐQT	01/03/2021	Nghị quyết về việc thoái vốn đầu tư của Công ty CP Cao su Bến Thành tại Công ty cổ phần Chi sợi Cao su V.R.G SA DO
5	354/NQ-HĐQT	01/03/2021	Nghị quyết Hội đồng quản trị Quý 4/2020
6	355/NQ-HĐQT	15/03/2021	Nghị quyết phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn cổ phần của Công ty cổ phần Cao su Bến Thành tại Công ty cổ phần Chi sợi Cao su V.R.G SA DO
7	363/NQ-HĐQT	22/04/2021	Nghị quyết về việc tạm hoãn và gia hạn kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
8	364/NQ-HĐQT	22/04/2021	Nghị quyết về việc thống nhất chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo quản lý Công ty cổ phần Cao su Bến Thành
9	366/NQ-HĐQT	17/05/2021	Nghị quyết phiên họp HĐQT Lần 2/2021
10	367/QĐ-HĐQT	17/05/2021	Quyết định về việc ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung Công ty cổ phần Cao su Bến Thành

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
11	368/QĐ-HĐQT	17/05/2021	Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cao su Bến Thành
12	369/QĐ-HĐQT	17/05/2021	Quyết định về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Bến Thành
13	370/QĐ-HĐQT	17/05/2021	Quyết định về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cao su Bến Thành
14	372/NQ-HĐQT	26/05/2021	Nghị quyết v/v vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Sài Gòn
15	373/QĐ-HĐQT	01/06/2021	Quyết định về việc phê duyệt mua sắm thiết bị Máy ép cao su hút chân không 350 tấn
16	374/QĐ-HĐQT	02/06/2021	Quyết định về việc chọn đơn vị kiểm toán năm 2021
17	375/NQ-HĐQT	15/06/2021	Nghị quyết thống nhất bổ nhiệm lại chức vụ Tổng Giám đốc
18	376/QĐ-HĐQT	25/06/2021	Quyết định về phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2021
19	377/QĐ-HĐQT	25/06/2021	Quyết định phê duyệt quỹ tiền lương thù lao, tiền thưởng của Người quản lý chuyên trách và Người quản lý không chuyên trách năm 2021
20	379/QĐ-HĐQT	01/07/2021	Quyết định về việc phê duyệt mua sắm hạng mục xe nâng 2.5 tấn
21	380/QĐ-HĐQT	05/07/2021	Quyết định về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện chi trả cổ tức năm 2020
22	382/NQ-HĐQT	28/07/2021	Nghị quyết Hội đồng quản trị Quý 2/2021



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
23	383/QĐ-HĐQT	02/08/2021	Quyết định về việc phê duyệt mua sắm thiết bị Máy cấn hồ hai trục
24	385/QĐ-HĐQT	27/10/2021	Quyết định về việc bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc Công ty CP Cao su Bến Thành
25	386/NQ-HĐQT	01/11/2021	Nghị quyết về việc Giao dịch với người có liên quan
26	387/NQ-HĐQT	01/11/2021	Nghị quyết về việc thống nhất miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng và giao nhiệm vụ phụ trách kế toán Công ty CP Cao su Bến Thành
27	389/NQ-HĐQT	01/11/2021	Nghị quyết Hội đồng quản trị quý 3/2021
28	391/NQ-HĐQT	15/11/2021	Nghị quyết về việc tổ Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021
29	392/QĐ-HĐQT	26/11/2021	Quyết định về việc khen thưởng năm 2020
30	394/QĐ-HĐQT	07/12/2021	Quyết định về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục xe ô tô 7 chỗ
31	397/QĐ-HĐQT	28/12/2021	Quyết định về việc ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ Công ty CP Cao su Bến Thành
32	398/QĐ-HĐQT	28/12/2021	Quyết định về việc ban hành Quy chế công bố thông tin Công ty CP Cao su Bến Thành
33	399/QĐ-HĐQT	31/12/2021	Quyết về việc thôi nhiệm vụ chức vụ Kế toán trưởng Công ty CP Cao su Bến Thành
34	400/QĐ-HĐQT	31/12/2021	Quyết về việc giao nhiệm vụ phụ trách kế toán Công ty CP Cao su Bến Thành

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có

## BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Dương Hoài Trinh	Trưởng BKS	990	0,008%
2	Phạm Thị Thu Hương	Thành viên BKS	0	0
3	Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên BKS	0	0
4	Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên BKS	0	0

Rà soát Danh sách thay đổi thành viên BKS trong năm: Không có

### Hoạt động của Ban Kiểm soát

» Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm

- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, ban điều hành trong kỳ đã thực hiện đúng nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính.

» Thẩm định tính đầy đủ trung thực, hợp pháp của báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính quý, 6 tháng, 1 năm.

» Ban Kiểm soát hiện nay bao gồm 4 thành viên, trong đó có trưởng ban là chuyên trách tại công ty. Việc kiểm tra và yêu cầu các bộ phận phối hợp trong các kỳ kiểm tra định kỳ và đột xuất diễn ra thường xuyên.

» Ban Kiểm soát đều được mời dự trong các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ và có nêu ý kiến, báo cáo với cuộc họp về việc kiểm tra giám sát của Ban.

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Dương Hoài Trinh	Trưởng BKS	04	100%	
2	Phạm Thị Thu Hương	Thành viên BKS	04	100%	
3	Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên BKS	04	100%	
4	Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên BKS	04	100%	



## Kiến nghị của Ban Kiểm soát trong năm 2022

Để Công ty hoàn thành các chỉ tiêu năm 2022, nhằm hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát đưa ra một số kiến nghị, giải pháp cụ thể như sau:

- Về công tác kinh doanh: Nên có dự báo về tình hình thị trường trong từng giai đoạn để đưa ra nhiều phương án kinh doanh cho phù hợp nhằm đẩy mạnh sản xuất kinh doanh ngày càng phát triển bền vững hơn nữa và cần có chiến lược kinh doanh nhằm mở rộng thêm sản phẩm khác, tìm kiếm thêm khách hàng mới cả trong và ngoài nước, mở rộng thêm nhiều kênh bán hàng ...
- Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách nhân lực hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của Công ty trên cơ sở tuân thủ pháp luật.
- Bên cạnh việc tạo ra những điều kiện đẩy mạnh tiêu thụ, gia tăng lợi nhuận, phải đồng thời hạn chế thấp nhất các thiệt hại và mức độ rủi ro do mất vốn, cũng như đẩy nhanh vòng quay vốn lưu động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Cần xây dựng những quy định cụ thể về hạn mức nợ và thời gian nợ, cũng như có chính sách bán chịu sản phẩm một cách hợp lý, đưa các

BKS tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát đưa ra phương hướng hoạt động năm 2022, như sau:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, các Nghị quyết Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc;
- Giám sát hoạt động quản lý và điều hành Công ty của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc;
- Thực hiện thẩm định các báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và năm của Công ty;
- Thực hiện báo cáo định kỳ của Ban kiểm soát.
- Rà soát lại danh mục các quy chế, quy trình Công ty đã ban hành; đề xuất bổ sung các quy trình còn thiếu hoặc không còn phù hợp với quy chế hiện hành.
- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, báo cáo định kỳ và các nội dung công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định.

điều khoản ràng buộc vào hợp đồng bán hàng (bảo lãnh thanh toán, chiết khấu thanh toán, phạt lãi trả chậm, các điều khoản pháp lý khác, ..).

- Tăng cường công tác tiếp thị để tiêu thụ nhanh các loại sản phẩm. Đặc biệt quan tâm hơn nữa đến việc tạo dựng thương hiệu nhằm tạo sức cạnh tranh trên thị trường, từ đó mở rộng thị phần để đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra.
- Bám sát các quy định hiện hành để thực hiện và công bố thông tin theo đúng yêu cầu của Sở giao dịch chứng khoán TPHCM, Ủy ban chứng khoán nhà nước, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam...
- Đối với các quy chế, quy định, quy trình quản lý điều hành Công ty cần thường xuyên rà soát để bổ sung và hoàn thiện cho phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty trên cơ sở các quy định hiện hành của pháp luật.
- Ổn định sản xuất, ổn định chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ phế phẩm, kiểm soát tiết kiệm tiêu hao định mức chặt chẽ. Bên cạnh đó thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các thông số kỹ thuật trong quá trình sản xuất để ổn định chất lượng sản phẩm.



## Phương hướng hoạt động của BKS trong năm 2022:

- Tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát đưa ra phương hướng hoạt động năm 2022, như sau:
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, các Nghị quyết Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc;
- Giám sát hoạt động quản lý và điều hành Công ty của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc;

- Thực hiện thẩm định các báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và năm của Công ty;
- Thực hiện báo cáo định kỳ của Ban kiểm soát.
- Rà soát lại danh mục các quy chế, quy trình Công ty đã ban hành; đề xuất bổ sung các quy trình còn thiếu hoặc không còn phù hợp với quy chế hiện hành.
- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, báo cáo định kỳ và các nội dung công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định.

## Nội dung và kết quả của các cuộc họp:

Ban Kiểm soát đã tổ chức 05 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

STT	Nội dung	Ngày	Nội dung	Kết quả
1	Cuộc họp 1	24/01/2021	Kiểm soát tình hình thanh toán công nợ phải thu, hàng tồn kho và kết quả sản xuất kinh doanh Quý 4/2020, lũy kế cả năm 2020, qua đó bàn bạc chi tiết các nội dung cần thiết để đưa vào báo cáo của BKS năm 2020 trình ĐHĐCĐ thường niên 2021.	Sau khi làm việc, các thành viên trong ban đã nhất trí 100% và đã có báo cáo chi tiết cụ thể gửi HĐQT, trong đó nêu rõ kết quả của các nội dung kiểm soát, kiến nghị, các nội dung trong báo cáo năm 2020 của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên 2021.
2	Cuộc họp 2	30/03/2021	Kiểm soát tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020, thẩm định BCTC năm 2020 và hoàn thiện các nội dung báo cáo năm 2020 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021; Xây dựng kế hoạch và phương hướng hoạt động của BKS trong năm 2021	Các thành viên đã nhất trí 100%: - Biên bản làm việc và báo cáo trình HĐQT - Báo cáo năm 2020 của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên 2021, phương hướng hoạt động của BKS năm 2021 - Kế hoạch làm việc cụ thể của BKS trong năm 2021
3	Cuộc họp 3	10/05/2021	Kiểm soát tình hình sản xuất kinh doanh quý 1 năm 2021 và tình hình thực hiện Nghị quyết quý 4/2020 của HĐQT	Các thành viên trong ban đã nhất trí 100% kết quả kiểm tra đã ghi trong biên bản làm việc và đưa ra các kiến nghị chi tiết, cụ thể báo cáo HĐQT.
4	Cuộc họp 4	19/07/2021	Về việc kiểm soát tình hình hoạt động quý 2/2021 và 6 tháng đầu năm 2021	Vì dịch bệnh COVID - 19 nên BKS đã làm việc online và đã thống nhất 100% kết quả làm việc trong biên bản, trình báo cáo cho HĐQT.
5	Cuộc họp 5	15/10/2021	Kiểm soát tình hình thanh toán công nợ, tình hình sản xuất kinh doanh quý 3/2021 + lũy kế 9 tháng đầu năm 2021.	



# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thu nhập (Đồng)
1	Huỳnh Tấn Siêu	Chủ tịch HĐQT	60.000.000
2	Phạm Đình Nhật Cường	Thành viên HĐQT (Đã miễn nhiệm)	48.000.000
3	Diệp Xuân Trường	Thành viên HĐQT	48.000.000
4	Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	706.000.000
5	Nguyễn Việt Hà	Thành viên HĐQT	48.000.000
6	Huỳnh Anh Tuấn	Phó Tổng Giám Đốc	502.000.000
7	Lưu Thị Tố Như	Phó Tổng Giám Đốc kiêm Kế Toán Trưởng	502.000.000
8	Dương Hoài Trinh	Trưởng BKS	346.000.000
9	Phạm Thị Thu Hương	Thành viên BKS	30.000.000
10	Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên BKS	30.000.000
11	Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên BKS	30.000.000

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

## Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1	Cổ đông lớn	Số 0301446422 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp, thay đổi lần thứ 14 vào ngày 09/12/2016	360 Bến Chương Dương, Quận 1, TPHCM	Bán bằng tài cho Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1 giá trị 19.931.852.600 đồng
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Cổ đông chiến lược	Số 0301266564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp, thay đổi lần thứ 5 vào ngày 20/01/2022	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TPHCM	Mua cao su nguyên liệu của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam giá trị 29.438.125.920 đồng

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có.

## Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm 2021 dịch bệnh COVID - 19 diễn ra hết sức phức tạp, đã ảnh hưởng đến tất cả các ngành nghề, làm đảo lộn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: nguyên vật liệu đầu vào gặp khó khăn do không có đủ lượng hàng từ nhà cung cấp, vận chuyển hàng hóa bị gián đoạn do giãn cách xã hội, nhu cầu tiêu thụ sản phẩm cũng chậm lại, giá nguyên vật liệu lại tăng mạnh... Trước khó khăn và thách thức đó, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đổi mới và nỗ lực hành động vì mục tiêu cao nhất đó là phòng, chống dịch, đồng thời triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ giao, cũng như góp phần tạo thu nhập, ổn định cuộc sống cho người lao động. Toàn thể người lao động trong Công ty cũng đã thể hiện tinh thần đoàn kết, thích ứng với tình hình mới, chung tay chia sẻ, có trách nhiệm với Công ty. Chính nhờ sự đồng lòng, cùng nhau nỗ lực đó mà hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2021 cũng tương đối ổn định, các chỉ tiêu chủ yếu đã đạt kế hoạch đề ra, đảm bảo thu nhập cho người lao động.





# 06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

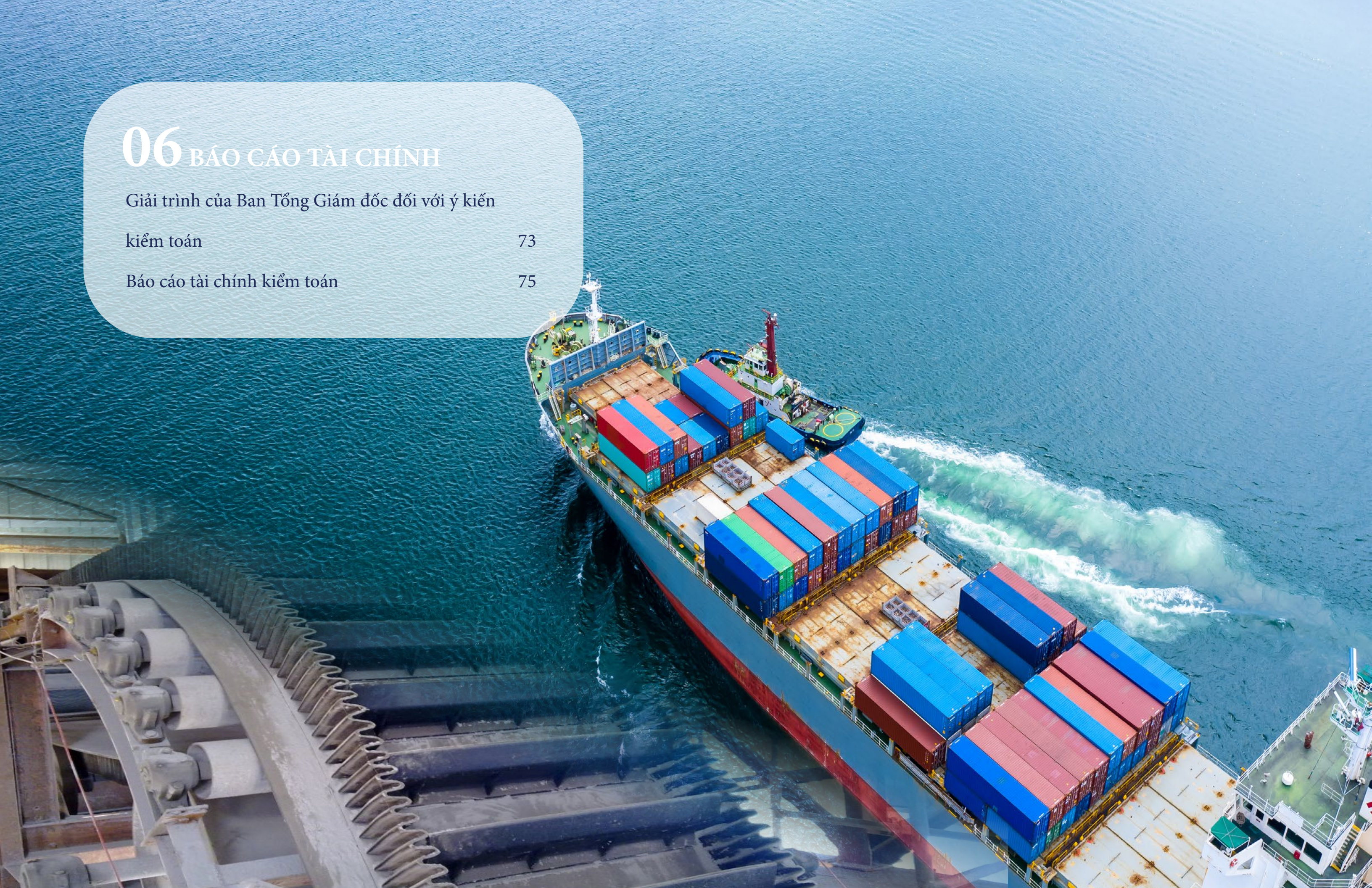
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến

kiểm toán

73

Báo cáo tài chính kiểm toán

75





## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4103006483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 04 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ bảy theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301150295 ngày 09 tháng 03 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Tấn Siêu	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên	
Ông Diệp Xuân Trường	Thành viên	
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Phúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07/01/2022
Ông Phạm Đình Nhật Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07/01/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Tổng Giám đốc
Bà Lưu Thị Tố Như	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Dương Hoài Trinh	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên
Bà Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên
Ông Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Nguyễn Trần Nghiêm Vũ

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2022



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành được lập ngày 11 tháng 03 năm 2022, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Nguyễn Thái

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>201.178.199.648</b>	<b>178.828.866.579</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	03	<b>14.667.929.036</b>	<b>13.568.057.968</b>
111	1. Tiền		14.667.929.036	8.568.057.968
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	5.000.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>5.229.284.750</b>	<b>3.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	04	5.229.284.750	3.000.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>101.660.417.660</b>	<b>81.343.861.297</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	97.371.504.092	76.876.406.678
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	7.681.207.298	6.431.333.187
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	188.049.349	729.848.000
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.580.343.079)	(2.693.726.568)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	09	<b>79.465.683.390</b>	<b>79.738.790.372</b>
141	1. Hàng tồn kho		79.465.683.390	79.738.790.372
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>154.884.812</b>	<b>1.178.156.942</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	154.884.812	317.127.734
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	861.029.208
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>110.174.034.983</b>	<b>115.253.381.129</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>81.292.933.790</b>	<b>85.557.047.718</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	81.292.933.790	85.557.047.718
222	- Nguyên giá		250.153.876.253	240.546.911.015
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(168.860.942.463)	(154.989.863.297)
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	04	<b>-</b>	<b>-</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.000.000.000	6.000.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>28.881.101.193</b>	<b>29.696.333.411</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	28.881.101.193	29.696.333.411
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>311.352.234.631</b>	<b>294.082.247.708</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021  
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		99.808.466.453	87.426.873.676
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		99.808.466.453	87.426.873.676
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	26.764.592.168	30.440.043.653
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	3.046.922.478	4.043.900.748
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.485.094.577	984.290.919
314	4. Phải trả người lao động		11.726.225.300	11.629.169.036
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	483.562.188	414.619.408
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	3.539.500.804	1.306.506.983
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	46.112.717.593	33.972.464.455
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		6.649.851.345	4.635.878.474
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		211.543.768.178	206.655.374.032
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	18	211.543.768.178	206.655.374.032
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		123.749.970.000	123.749.970.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		123.749.970.000	123.749.970.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		26.340.019.200	26.340.019.200
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		35.936.575.435	31.711.715.531
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		25.517.203.543	24.853.669.301
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.820.019.526	3.729.369.782
421b	LNST chưa phân phối năm nay		21.697.184.017	21.124.299.519
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>311.352.234.631</b>	<b>294.082.247.708</b>

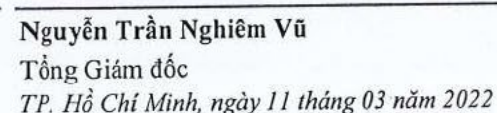


Huỳnh Ngọc Sơn  
 Người lập



Huỳnh Ngọc Sơn  
 Kế toán trưởng



  
 Nguyễn Trần Nghiêm Vũ  
 Tổng Giám đốc  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2022

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	348.107.052.557	288.735.821.623
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	30.000.000	65.928.504
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		348.077.052.557	288.669.893.119
11	4. Giá vốn hàng bán	22	268.554.541.934	215.310.615.947
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		79.522.510.623	73.359.277.172
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	1.014.318.574	1.329.473.771
22	7. Chi phí tài chính	24	2.779.182.844	2.547.603.325
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.596.204.465	1.225.586.942
25	8. Chi phí bán hàng	25	38.779.813.672	36.453.999.400
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	12.066.178.323	9.535.779.337
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		26.911.654.358	26.151.368.881
31	11. Thu nhập khác	27	440.305.025	169.801.396
32	12. Chi phí khác	28	94.614.394	347.318.380
40	13. Lợi nhuận khác		345.690.631	(177.516.984)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		27.257.344.989	25.973.851.897
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	5.560.160.972	4.849.552.378
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		21.697.184.017	21.124.299.519
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	1.753	1.349

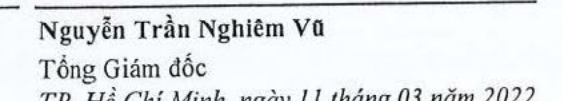


Huỳnh Ngọc Sơn  
 Người lập



Huỳnh Ngọc Sơn  
 Kế toán trưởng



  
 Nguyễn Trần Nghiêm Vũ  
 Tổng Giám đốc  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2022



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Năm 2021  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		27.257.344.989	25.973.851.897
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		15.942.879.350	15.561.902.789
03	- Các khoản dự phòng		886.616.511	110.204.154
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		259.207.821	(57.561.160)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(511.121.233)	(381.358.150)
06	- Chi phí lãi vay		1.596.204.465	1.225.586.942
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		45.431.131.903	42.432.626.472
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(17.975.582.351)	(16.907.408.447)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		273.106.982	(21.016.933.877)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(4.364.155.037)	(2.272.257.508)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		68.021.468	(357.591.548)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.558.595.018)	(1.171.066.819)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.243.509.150)	(5.207.696.506)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.419.820.000)	(1.757.900.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		14.210.598.797	(6.258.228.233)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(13.350.642.100)	(2.902.095.900)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		240.000.000	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.229.284.750)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		254.476.473	428.380.069
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(15.085.450.377)	(2.473.715.831)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		78.260.379.918	58.945.664.826
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(66.104.237.692)	(38.280.850.283)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10.137.673.500)	(12.354.342.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2.018.468.726	8.310.472.543
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.143.617.146	(421.471.521)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Năm 2021  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		13.568.057.968	13.979.627.567
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(43.746.078)	9.901.922
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	14.667.929.036	13.568.057.968



*(Signature)*

Huỳnh Ngọc Sơn  
 Người lập

*(Signature)*

Huỳnh Ngọc Sơn  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Nghiêm Vũ  
 Tổng Giám đốc  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2022



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4103006483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 04 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ bảy theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301150295 ngày 09 tháng 03 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 123.749.970.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 123.749.970.000 đồng; tương đương 12.374.997 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 225 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 199 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất băng tải cao su, dây courroie.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm từ cao su: băng tải, dây courroie, dây trần bàn, vỏ ruột xe đạp - xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật;
- Mua bán sản phẩm cao su: băng tải, dây courroie, dây trần bàn, vỏ ruột xe đạp - xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

### 2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



## 2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                          |         |     |
|--------------------------|---------|-----|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 08 - 40 | năm |
| - Máy móc, thiết bị      | 05 - 12 | năm |
| - Phương tiện vận tải    | 10 - 12 | năm |
| - Thiết bị văn phòng     | 05 - 08 | năm |

## 2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 03 năm.

## 2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## 2.13 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

## 2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## 2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.



## 2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.17 . Doanh thu

### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

## 2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

## 2.22 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

## 2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phân quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.24 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	339.393.195	115.029.393
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.116.675.841	8.453.028.575
Tiền đang chuyển	211.860.000	-
Các khoản tương đương tiền	-	5.000.000.000
	<u>14.667.929.036</u>	<u>13.568.057.968</u>



4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	5.229.284.750	-	3.000.000.000	-
	<b>5.229.284.750</b>	<b>-</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>-</b>

Tại ngày 31/12/2021, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng với giá trị 5.229.284.750 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nguyễn Văn Trỗi với lãi suất từ 3,7%/năm đến 4,9%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn với giá trị 3.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn đang được thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Chi sợi Cao su V.R.G SaDo	VND	VND	VND	VND
	6.000.000.000	(6.000.000.000)	6.000.000.000	(6.000.000.000)
	<b>6.000.000.000</b>	<b>(6.000.000.000)</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>(6.000.000.000)</b>

- Công ty Cổ phần Chi sợi Cao su V.R.G SaDo được thành lập và hoạt động tại tỉnh Đồng Nai, hoạt động kinh doanh chính là sản xuất chi sợi cao su. Tỷ lệ lợi ích và biểu quyết của Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành tại Công ty Cổ phần Chi sợi Cao su V.R.G SaDo là 1,88%.

- Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Máy và Vật tư thiết bị Sài Gòn	22.180.945.390	-	7.531.096.690	(154.125.207)
- Công ty Nhiệt điện Duyên Hải	1.288.340.460	-	9.396.327.930	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	4.492.682.700	-	1.626.901.100	(4.708.550)
- Công ty AOI Rubber, Ltd	6.483.710.116	-	5.640.077.325	-
- Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	4.065.732.500	-	2.211.000.000	-
- VSRP Viasuperior Rubber and Plast	2.831.805.068	(1.538.532.886)	3.025.784.397	(982.304.148)
- Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	1.577.429.130	-	3.625.677.561	(102.149.331)
- Công ty TNHH Mạc Tích	194.308.950	-	8.396.039.655	-
- Công ty Than Dương Huy - CN Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam	568.449.746	(135.973.673)	5.097.714.162	(313.990.934)
- Các khách hàng khác	53.688.100.032	(1.724.307.480)	30.325.787.858	(1.136.448.398)
	<b>97.371.504.092</b>	<b>(3.398.814.039)</b>	<b>76.876.406.678</b>	<b>(2.693.726.568)</b>
	<b>4.492.682.700</b>	<b>-</b>	<b>1.626.901.100</b>	<b>(4.708.550)</b>

b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại *Thuyết minh số 36*)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Pan Stone Hydraulic Ind Co., Ltd	1.726.125.000	-	-	-
- Qingdao Toplit Industry Co., Ltd	1.152.621.293	-	-	-
- Guangzhou Ecopower New Material Co., Limited	1.015.115.850	-	-	-
- Yí Tzung Precision Machinery Corp	1.185.497.600	-	1.345.408.100	-
- Qingdao Xiangjie Rubber Machinery Co., Ltd	-	-	1.755.721.500	-
- Suzhou Shanghan Textile Co., Ltd	-	-	1.842.072.086	-
- Các đối tượng khác	2.601.847.555	-	1.488.131.501	-
	<b>7.681.207.298</b>	<b>-</b>	<b>6.431.333.187</b>	<b>-</b>



7 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi	47.326.951	-	30.682.191	-
Tạm ứng	131.800.000	-	661.711.999	-
Ký cược, ký quỹ	3.000.000	-	3.000.000	-
Phải thu khác	5.922.398	-	34.453.810	-
	<b>188.049.349</b>	<b>-</b>	<b>729.848.000</b>	<b>-</b>

8 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi				
- VSRP Viaussuperior Rubber and Plast	2.831.805.069	1.293.272.183	2.649.313.185	1.667.009.037
- Các khoản khác	3.900.438.639	1.858.628.446	4.616.333.828	2.904.911.408
	<b>6.732.243.708</b>	<b>3.151.900.629</b>	<b>7.265.647.013</b>	<b>4.571.920.445</b>

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	47.282.058.891	-	38.322.231.898	-
Công cụ, dụng cụ	910.541.975	-	86.896.830	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.916.318.666	-	4.556.850.197	-
Thành phẩm	11.821.568.212	-	12.651.777.173	-
Hàng hoá	852.766.438	-	858.575.986	-
Hàng gửi đi bán	12.682.429.208	-	23.262.458.288	-
	<b>79.465.683.390</b>	<b>-</b>	<b>79.738.790.372</b>	<b>-</b>

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành  
 Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cừ, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị văn phòng		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	37.151.496.717	189.802.429.322	13.366.675.911	226.309.065	240.546.911.015					
- Mua trong năm	-	659.100.000	460.000.000	50.000.000	1.169.100.000					
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	702.939.500	7.581.986.250	1.315.286.000	-	9.600.211.750					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(214.564.584)	(947.781.928)	-	(1.162.346.512)					
Số dư cuối năm	<b>37.854.436.217</b>	<b>197.828.950.988</b>	<b>14.194.179.983</b>	<b>276.309.065</b>	<b>250.153.876.253</b>					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	18.683.267.000	126.767.949.661	9.318.096.738	220.549.898	154.989.863.297					
- Khấu hao trong năm	1.823.882.557	12.389.391.192	809.198.320	10.953.609	15.033.425.678					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(214.564.584)	(947.781.928)	-	(1.162.346.512)					
Số dư cuối năm	<b>20.507.149.557</b>	<b>138.942.776.269</b>	<b>9.179.513.130</b>	<b>231.503.507</b>	<b>168.860.942.463</b>					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	18.468.229.717	63.034.479.661	4.048.579.173	5.759.167	85.557.047.718					
Tại ngày cuối năm	<b>17.347.286.660</b>	<b>58.886.174.719</b>	<b>5.014.666.853</b>	<b>44.805.558</b>	<b>81.292.933.790</b>					

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 40.578.977.379 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 59.733.811.212 VND.



11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí bảo hiểm	28.388.145	29.993.538
Công cụ dụng cụ xuất dùng	126.496.667	147.355.121
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	139.779.075
	<b>154.884.812</b>	<b>317.127.734</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi (*)	24.555.249.150	25.464.702.822
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.421.965.414	1.873.212.413
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.903.886.629	2.358.418.176
	<b>28.881.101.193</b>	<b>29.696.333.411</b>

(\*) Công ty ký hợp đồng thuê đất tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Xã Trung Lập, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng từ năm 2019 đến năm 2048. Diện tích khu đất thuê là 18.185,8 m<sup>2</sup> và Công ty đã trả toàn bộ tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê với tổng số tiền là 27.018.352.845 VND.

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi	27.316.950	27.316.950	3.243.190.485	3.243.190.485
- Công ty TNHH Hóa chất Kiều Thoại	5.155.205.000	5.155.205.000	6.609.482.000	6.609.482.000
- Công ty TNHH Vận tải Hành Tinh Xanh	3.209.388.900	3.209.388.900	3.132.206.000	3.132.206.000
- Công ty TNHH VT-TM XNK Dương Nguyễn	2.347.728.900	2.347.728.900	2.661.945.000	2.661.945.000
- Công ty TNHH Thương mại Bảo Tượng	2.239.479.000	2.239.479.000	707.630.000	707.630.000
- Phải trả các đối tượng khác	13.785.473.418	13.785.473.418	14.085.590.168	14.085.590.168
	<b>26.764.592.168</b>	<b>26.764.592.168</b>	<b>30.440.043.653</b>	<b>30.440.043.653</b>

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Mulhern Belting, Inc-New Jersey	897.877.462	1.983.292.768	-	-
- Công ty TNHH Mỹ Anh Hà Nam	1.158.663.000	-	634.026.000	634.026.000
- Công ty TNHH Cung ứng thiết bị máy PU	-	-	498.258.432	498.258.432
- Distribuidora PJS.A de C.V	990.382.016	928.323.548	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	-	-	-	-
	<b>3.046.922.478</b>	<b>4.043.900.748</b>	<b>1.132.284.432</b>	<b>1.132.284.432</b>



**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	9.868.437.010	9.773.697.868	-	-	94.739.142	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-	1.265.052.279	1.265.052.279	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	818.431.640	-	5.560.160.972	5.243.509.150	-	-	1.135.083.462	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	165.859.279	-	1.647.333.468	1.557.920.774	-	-	255.271.973	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	-	348.706.176	348.706.176	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-	-	-	-
				<b>18.692.689.905</b>	<b>18.191.886.247</b>			<b>1.485.094.577</b>				

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	138.897.843	101.288.396
- Chi phí phải trả khác	344.664.345	313.331.012
	<b>483.562.188</b>	<b>414.619.408</b>

**16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	75.334.488	64.210.983
- Bảo hiểm xã hội	41.411.582	-
- Bảo hiểm y tế	609.876	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	135.258	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.415.067.000	1.177.743.500
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.942.600	64.552.500
	<b>3.539.500.804</b>	<b>1.306.506.983</b>



17 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Nam Sài Gòn	33.972.464.455	33.972.464.455	78.260.379.918	66.120.126.780	46.112.717.593	46.112.717.593
	<b>33.972.464.455</b>	<b>33.972.464.455</b>	<b>78.260.379.918</b>	<b>66.120.126.780</b>	<b>46.112.717.593</b>	<b>46.112.717.593</b>

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng tín dụng số 01/2021/62647/HĐTD ngày 28/06/2021, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
- Thời hạn cấp hạn mức của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, không quá ngày 27/06/2022;
- Lãi suất cho vay: Theo từng lần nhận nợ. Lãi suất trong năm đối với khoản vay USD là 3,2%/năm - 3,7%/năm và đối với khoản vay VND là 4,5%/năm;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm bao gồm: 34.752.429.196 VND và 494.786,13 USD (tương đương 11.360.288.397 VND);
- Các hình thức đảm bảo tiền vay:
  - + Máy móc thiết bị theo Danh mục tài sản thế chấp đi kèm Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2012/HĐTC-62647 ngày 21/06/2012 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/HĐTC-62647 ngày 30/09/2017;
  - + Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2017/62647/HĐCCTG ngày 28/04/2017 có giá trị 3.000.000.000 VND kỳ hạn 6 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn.

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Số dư đầu năm trước	123.749.970.000	123.749.970.000	26.340.019.200	31.711.715.531	22.042.541.117	203.844.245.848
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	21.124.299.519	21.124.299.519
Chia cổ tức năm 2019	-	-	-	-	(12.374.997.000)	(12.374.997.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.813.491.964)	(3.813.491.964)
Chi thường ban điều hành	-	-	-	-	(114.166.667)	(114.166.667)
Truy thu tiền thuế đất từ năm 2007 đến năm 2019	-	-	-	-	(2.010.515.704)	(2.010.515.704)
Số dư cuối năm trước	<b>123.749.970.000</b>	<b>123.749.970.000</b>	<b>26.340.019.200</b>	<b>31.711.715.531</b>	<b>24.853.669.301</b>	<b>206.655.374.032</b>
Số dư đầu năm nay	123.749.970.000	123.749.970.000	26.340.019.200	31.711.715.531	24.853.669.301	206.655.374.032
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	21.697.184.017	21.697.184.017
Chia cổ tức năm 2020	-	-	-	-	(12.374.997.000)	(12.374.997.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(4.339.376.205)	(4.339.376.205)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	4.224.859.904	(4.224.859.904)	-
Chi thường ban điều hành	-	-	-	-	(94.416.666)	(94.416.666)
Số dư cuối năm nay	<b>123.749.970.000</b>	<b>123.749.970.000</b>	<b>26.340.019.200</b>	<b>35.936.575.435</b>	<b>25.517.203.543</b>	<b>211.543.768.178</b>

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 17/05/2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ		Số tiền	
	%	VND	VND	
Kết quả kinh doanh sau thuế		21.124.299.519		
Lợi nhuận chưa phân phối của các năm trước để lại		3.729.369.782		
Tổng lợi nhuận dùng để phân phối	100	24.853.669.301		
Trích Quỹ đầu tư phát triển	17,00	4.224.859.904		
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17,46	4.339.376.205		
Chi trả cổ tức (10%/vốn điều lệ)	49,79	12.374.997.000		
Chi thường ban điều hành	0,38	94.416.666		
Lợi nhuận chưa phân phối	15,37	3.820.019.526		



b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	48,85	60.456.580.000	48,85	60.456.580.000
- Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn	19,86	24.575.780.000	19,86	24.575.780.000
- Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	18,67	23.100.000.000	18,67	23.100.000.000
- Các cổ đông khác	12,62	15.617.610.000	12,62	15.617.610.000
	<b>100</b>	<b>123.749.970.000</b>	<b>100</b>	<b>123.749.970.000</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>123.749.970.000</i>	<i>123.749.970.000</i>
- <b>Vốn góp cuối năm</b>	<b>123.749.970.000</b>	<b>123.749.970.000</b>
Cổ tức, lợi nhuận		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	<i>1.177.743.500</i>	<i>1.157.088.500</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	<i>12.374.997.000</i>	<i>12.374.997.000</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>12.374.997.000</i>	<i>12.374.997.000</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	<i>(10.137.673.500)</i>	<i>(12.354.342.000)</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>(10.137.673.500)</i>	<i>(12.354.342.000)</i>
- <b>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</b>	<b>3.415.067.000</b>	<b>1.177.743.500</b>

d) Cổ phiếu	31/12/2021	01/01/2021
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.374.997
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.374.997</i>	<i>12.374.997</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.374.997</i>	<i>12.374.997</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

đ) Các quỹ công ty	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	35.936.575.435	31.711.715.531
	<b>35.936.575.435</b>	<b>31.711.715.531</b>

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Xã Trung Lập, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng từ năm 2019 đến năm 2048. Diện tích khu đất thuê là 18.185,8 m2 và Công ty đã trả toàn bộ tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
- Đồng đô la Mỹ (USD)	69.042,86	128.161,07
- Đồng Yên Nhật (JPY )	13.113.416	4.553.120

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	11.659.265.160	16.390.302.641
Doanh thu bán thành phẩm	336.447.787.397	272.345.518.982
	<b>348.107.052.557</b>	<b>288.735.821.623</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)	<b>18.600.815.000</b>	<b>9.856.802.380</b>

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	-	65.928.504
Hàng bán bị trả lại	30.000.000	-
	<b>30.000.000</b>	<b>65.928.504</b>

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	9.963.836.598	12.962.646.256
Giá vốn của thành phẩm đã bán	258.590.705.336	202.347.969.691
	<b>268.554.541.934</b>	<b>215.310.615.947</b>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)	<b>26.550.710.400</b>	<b>26.777.298.400</b>

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi	271.121.233	381.358.150
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	743.197.341	890.554.461
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	57.561.160
	<b>1.014.318.574</b>	<b>1.329.473.771</b>



24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.596.204.465	1.225.586.942
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	733.234.194	180.958.843
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	259.207.821	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	1.141.057.540
Chi phí liên quan đến thanh lý khoản đầu tư tài chính	190.536.364	-
	<b>2.779.182.844</b>	<b>2.547.603.325</b>

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.036.367.782	2.130.106.643
Chi phí nhân công	7.408.576.893	6.678.623.870
Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.729.128	79.278.085
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.130.683.031	27.144.630.526
Chi phí khác bằng tiền	3.400.000	5.618.322
Chi phí bảo hành	133.056.838	415.741.954
	<b>38.779.813.672</b>	<b>36.453.999.400</b>

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	889.008.298	755.206.669
Chi phí nhân công	6.014.005.541	6.475.458.935
Chi phí khấu hao tài sản cố định	242.636.145	303.925.884
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng	886.616.511	(1.030.853.386)
Thuế, phí và lệ phí	89.557.088	93.180.384
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.581.412.456	2.297.881.777
Chi phí khác bằng tiền	1.362.942.284	640.979.074
	<b>12.066.178.323</b>	<b>9.535.779.337</b>

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	240.000.000	-
Thu nhập từ bán phế liệu	195.901.579	-
Thu nhập khác	4.403.446	169.801.396
	<b>440.305.025</b>	<b>169.801.396</b>

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Các khoản bị phạt	64.903.296	186.978.876
Chi phí khác	29.711.098	160.339.504
	<b>94.614.394</b>	<b>347.318.380</b>

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	27.257.344.989	25.973.851.897
Các khoản điều chỉnh tăng	543.459.873	338.017.932
- Chi phí không hợp lệ	49.300.000	230.017.932
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	275.159.873	-
- Thù lao Thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành	219.000.000	108.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(2.064.107.937)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	(53.592.233)
- Tiền thuê đất bị truy thu	-	(2.010.515.704)
Thu nhập chịu thuế TNDN	27.800.804.862	24.247.761.892
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>5.560.160.972</b>	<b>4.849.552.378</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	818.431.640	1.176.575.768
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(5.243.509.150)	(5.207.696.506)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh</b>	<b>1.135.083.462</b>	<b>818.431.640</b>

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	21.697.184.017	21.124.299.519
Các khoản điều chỉnh	-	(4.433.792.871)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	(4.433.792.871)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	21.697.184.017	16.690.506.648
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.374.997	12.374.997
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.753</b>	<b>1.349</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.



**31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	190.882.113.914	162.213.479.956
Chi phí nhân công	46.183.006.592	40.370.627.845
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.942.879.350	15.561.902.789
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.562.667.614	39.243.579.641
Chi phí khác bằng tiền	1.928.643.778	2.137.231.865
	<b>298.499.311.248</b>	<b>259.526.822.096</b>

**32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản trương đương tiền	14.667.929.036	-	13.568.057.968	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	97.559.553.441	(3.580.343.079)	77.606.254.678	(2.693.726.568)
Các khoản cho vay	5.229.284.750	-	3.000.000.000	-
	<b>117.456.767.227</b>	<b>(3.580.343.079)</b>	<b>94.174.312.646</b>	<b>(2.693.726.568)</b>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			46.112.717.593	33.972.464.455
Phải trả người bán, phải trả khác			30.304.092.972	31.746.550.636
Chi phí phải trả			483.562.188	414.619.408
			<b>76.900.372.753</b>	<b>66.133.634.499</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Tiền và các khoản trương đương tiền	14.667.929.036	-	-	14.667.929.036
Phải thu khách hàng, phải thu khác	93.979.210.362	-	-	93.979.210.362
Các khoản cho vay	5.229.284.750	-	-	5.229.284.750
	<b>113.876.424.148</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>113.876.424.148</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Tiền và các khoản trương đương tiền	13.568.057.968	-	-	13.568.057.968
Phải thu khách hàng, phải thu khác	74.912.528.110	-	-	74.912.528.110
Các khoản cho vay	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
	<b>91.480.586.078</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>91.480.586.078</b>



**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Vay và nợ	46.112.717.593	-	-	46.112.717.593
Phải trả người bán, phải trả khác	30.304.092.972	-	-	30.304.092.972
Chi phí phải trả	483.562.188	-	-	483.562.188
	<u>76.900.372.753</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>76.900.372.753</u>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Vay và nợ	33.972.464.455	-	-	33.972.464.455
Phải trả người bán, phải trả khác	31.746.550.636	-	-	31.746.550.636
Chi phí phải trả	414.619.408	-	-	414.619.408
	<u>66.133.634.499</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>66.133.634.499</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**33 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>a) Số tiền đi vay thực thu trong năm</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường.	78.260.379.918	58.945.664.826
<b>b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường.	66.104.237.692	38.280.850.283

**34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**a) Theo lĩnh vực kinh doanh**

Trong năm, Công ty chỉ tập trung hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh băng tải cao su, dây courroie. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**b) Theo khu vực địa lý**

	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	267.268.966.412	80.808.086.145	348.077.052.557
Tài sản bộ phận	239.070.025.814	72.282.208.817	311.352.234.631
Tổng chi phí mua TSCĐ	8.269.154.198	2.500.157.552	10.769.311.750

**36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>			
- Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Cổ đông lớn	18.600.815.000	9.856.802.380
<b>Mua vật tư, hàng hóa</b>			
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Cổ đông lớn	26.550.710.400	26.777.298.400
<b>Chia cổ tức</b>			
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Cổ đông lớn	6.045.658.000	6.045.658.000
- Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn	Cổ đông lớn	2.457.578.000	2.457.578.000
- Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Cổ đông lớn	2.310.000.000	2.310.000.000

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>			
- Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Cổ đông lớn	4.492.682.700	1.626.901.100



Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Tổng thu nhập	
		Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Ông Huỳnh Tấn Siêu	Chủ tịch Hội đồng quản trị	60.000.000	21.000.000
- Ông Trần Minh	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 29/05/2020)	-	15.000.000
- Ông Diệp Xuân Trường	Thành viên Hội đồng quản trị	48.000.000	24.000.000
- Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên Hội đồng quản trị	48.000.000	14.000.000
- Ông Vũ Quốc Vinh	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 29/05/2020)	-	10.000.000
- Ông Phạm Đình Nhật Cường	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 07/01/2022)	48.000.000	24.000.000
- Ông Nguyễn Trần NghiêM Vũ	Thành viên Hội đồng quản trị	706.000.000	672.000.000
- Bà Lưu Thị Tố Như	Tổng Giám đốc		
- Ông Huỳnh Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	502.000.000	492.000.000
- Bà Dương Hoài Trinh	Phó Tổng Giám đốc	502.000.000	246.000.000
	Trưởng Ban kiểm soát	346.000.000	306.000.000

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

  
 Huỳnh Ngọc Sơn  
 Người lập

  
 Huỳnh Ngọc Sơn  
 Kế toán trưởng

  
  
 Nguyễn Trần NghiêM Vũ  
 Tổng Giám đốc  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2022



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm 2022  
**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

  
  
 NGUYỄN TRẦN NGHIÊM VŨ